

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1****Môn: Văn - Lớp 9****Bộ sách Cánh diều****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- Ôn tập và củng cố lại các kiến thức, áp dụng giải các dạng bài tập liên quan của chương trình học kì 1 sách giáo khoa Văn 9 – Cánh diều.
- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Ngữ văn.
- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức học kì 1 – chương trình Ngữ Văn 9.

**A. NỘI DUNG ÔN TẬP****1. Phần đọc hiểu****1.1. Thơ và thơ song thất lục bát**

	<b>Thơ song thất lục bát</b>								
<b>Khái niệm</b>	Là thể thơ có nguồn gốc dân tộc, kết hợp đan xen từng cặp câu 7 tiếng (song thất) với từng cặp câu 6 và 8 tiếng (lục bát)								
<b>Hình thức</b>	Bài thơ song thất lục bát có thể chia khổ hoặc không, số câu thơ trong mỗi khổ thơ cũng không cố định.								
<b>Vần</b>	Tiếng cuối dòng bảy trên bắt vần trắc xuống tiếng thứ năm của dòng bảy dưới; tiếng cuối của dòng bảy dưới bắt vần với tiếng cuối của dòng sáu; tiếng cuối của dòng sáu bắt vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại bắt vần với tiếng thứ ba hoặc tiếng thứ năm ở dòng bảy đầu khổ thơ sau. Như vậy, mỗi khổ thơ có hai vần trắc và năm vần bằng; dòng sáu chỉ có vần chân, ba dòng kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.								
<b>Thanh điệu</b>	Thanh bằng (B) – trắc (T) của các tiếng ở một số vị trí trong câu thơ là cố định, cụ thể:								
	Vị trí tiếng	1	2	3	4	5	6	7	8
	Câu thất 1	-	-	-	-	B	-	T	
	Câu thất 2	-	-	B	-	T	-	B	
	Câu lục	-	B	-	T	-	B		
	Câu bát	-	B	-	T	-	B	-	B
<b>Nhịp</b>	Câu thơ 7 tiếng thường có cách ngắt nhịp lẻ trước chẵn sau (3/2/2 hay 3/4). Hai câu 6 và 8 ngắt nhịp theo thể lục bát. Một số câu thơ có thể đọc theo những cách ngắt nhịp khác nhau, mỗi cách ngắt nhịp tạo ra một nghĩa, giúp người đọc có được sự đa dạng trong cảm thụ.								

**1.2. Truyện thơ Nôm**

<b>Truyện thơ Nôm</b>	
<b>Khái niệm</b>	Là thể loại tự sự bằng thơ, được viết bằng chữ Nôm, hình thành vào khoảng thế kỉ XVI – XVII, phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu to lớn ở cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. Ở giai đoạn đầu, một số truyện thơ Nôm được sáng tác bằng thể thơ Đường luật hoặc song thất lục bát, sau đó các tác giả chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát.
<b>Đề tài, chủ đề</b>	Rộng mở, phong phú, có giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực sâu sắc.
<b>Cốt truyện</b>	Ở truyện thơ Nôm, cốt truyện đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng tác phẩm. Mô hình cốt truyện của truyện thơ Nôm gồm ba chặng: Gặp gỡ - Lưu lạc (hoặc Thử thách) - Đoàn tụ.
<b>Nhân vật</b>	Trong truyện thơ Nôm, nhân vật thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau gồm các nhân vật chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, phi nghĩa). Nhân vật chính diện và phản diện thường được xây dựng đối lập về phẩm chất theo từng cặp như: Từ Hải - Hồ Tôn Hiến.
<b>Lời thoại nhân vật</b>	Đối thoại và độc thoại
<b>Ngôn ngữ</b>	Giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân

### 1.3. Văn bản thông tin

<b>Văn bản thuyết minh giới thiệu một danh lam thắng cảnh</b>	
<b>Khái niệm</b>	Thuộc loại văn bản thông tin, cung cấp cho người đọc thông tin về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.
<b>Cấu trúc</b>	- Phần mở đầu: giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. - Phần nội dung: giới thiệu có hệ thống những phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. Nội dung có thể trình bày thông tin về vị trí địa lí, lịch sử hình thành, nhân vật lịch sử có liên quan, đặc điểm kiến trúc/ cảnh quan, vẻ đẹp / sức hấp dẫn, cách thức tham quan, ... - Phần kết thúc: nhận xét khái quát về giá trị của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử trong đời sống văn hoá, tinh thần của con người; có thể bày tỏ tình cảm, thái độ của người viết dành cho danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.
<b>Đặc điểm hình thức</b>	Có thể sử dụng các đề mục để làm nổi bật thông tin chính; một số từ ngữ chuyên ngành (kiến trúc, lịch sử, địa lí, sinh vật,...); từ ngữ giàu giá trị miêu tả, biểu cảm; hình ảnh minh họa, sơ đồ/ bản đồ chỉ dẫn;...
<b>Cách trình bày thông tin</b>	Về cách trình bày thông tin: Thông tin thường được trình bày theo trật tự thời gian, theo trật tự không gian, theo cách phân loại đối tượng (ví dụ: phân loại các đặc điểm kiến trúc, tự nhiên, xã hội, ... của danh lam thắng cảnh/ di tích lịch sử),...
<b>Phương thức biểu đạt</b>	Miêu tả, tự sự, biểu cảm

### 1.4. Truyện ngắn

<b>Truyện ngắn</b>	
<b>Khái niệm</b>	Là thể loại cỡ nhỏ của tác phẩm văn xuôi hư cấu, thường phản ánh một “khoảnh khắc”, một tình huống độc đáo, một sự kiện gây ấn tượng mạnh, có ý nghĩa nhất trong cuộc đời nhân vật.
<b>Hình thức</b>	Tự sự cỡ nhỏ, có khuôn khổ ngắn

<b>Nhân vật</b>	Ít nhân vật nhưng đa dạng tính cách, đặc điểm, miêu tả nhân vật ở những khía cạnh nổi bật nhất và sinh động trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với môi trường xung quanh.
<b>Ngôi kể</b>	Ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba
<b>Nội dung</b>	Phản ánh hiện thực trong tính khách quan của nó
<b>Kết cấu</b>	Kết cấu bất ngờ đột biến, hoặc tương phản, hoặc liên tưởng

## 1.5. Nghị luận xã hội

<b>Nghị luận xã hội</b>	
<b>Cách trình bày vấn đề khách quan</b>	Chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan. Cách trình bày tạo ra cơ sở vững chắc (từ pháp lí, từ thực tiễn,...), đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận.
<b>Cách trình bày vấn đề chủ quan</b>	Đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết. Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.
<b>Ví dụ</b>	(1) <i>Tôi đã chứng kiến cả ngàn con trâu rừng bị chết dần chết mòn trên những cánh đồng trơ trọi vì bị người da trắng bắn mỗi khi có đoàn tàu chạy qua.</i> (2) <i>Tôi là kẻ hoang dã, tôi không hiểu nổi tại sao một con ngựa sắt nhả khói lại quan trọng hơn nhiều con trâu rừng mà chúng tôi chỉ giết để duy trì cuộc sống.</i> (3) <i>Con người là gì, nếu cuộc sống thiếu những con thú?</i> (Xi-át-tô, Bức thư của thủ lĩnh da đỏ) Trong ví dụ trên, câu (1) trình bày vấn đề khách quan bởi chủ yếu đưa ra bằng chứng từ thực tế mà người viết đã chứng kiến. Câu (2) và (3) trình bày vấn đề chủ quan bởi thể hiện ý kiến, đánh giá, cảm xúc của cá nhân người viết trước hiện tượng con người nhẫn tâm tàn sát các con thú.

## 2. Phần tiếng Việt

### 2.1. Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ

	<b>Chữ Nôm</b>	<b>Chữ Quốc ngữ</b>
<b>Khái niệm</b>	Là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được ông cha ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán	Là chữ viết dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt.
<b>Nguồn gốc ra đời</b>	Được hình thành vào khoảng thế kỉ X và đã được sử dụng để sáng tác thơ văn khoảng từ thế kỉ XII - XIII	Được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, trong quá trình các tu sĩ Dòng Tên truyền đạo Công giáo tại Việt Nam.
<b>Ý nghĩa</b>	Thể hiện tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc; đánh dấu bước phát triển vượt bậc về văn hóa và khẳng định vị trí, vai trò của tiếng Việt.	Được chính lí, thay thế dần chữ Hán và chữ Nôm. Từ năm 1945 có vị thế văn tự chính thức của quốc gia

### 2.2. Điển tích, điển cố

	<b>Điển tích, điển cố</b>	<b>Ví dụ</b>
<b>Khái niệm</b>	Là câu chuyện, sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau.	Sương in mặt tuyết pha thân, Sen vàng lãng đãng như gần như xa. (Nguyễn Du, Truyện Kiều) Vua Hậu Chủ thời Ngũ Đại (Trung Quốc), do yêu bà phi, lấy vàng đúc thành những đóa sen, đem lót xuống đất bảo phi đặt chân

		lên đó mà dạo bước, rồi nói: mỗi bước đi nở một đóa sen vàng. Sen vàng thành điển tích chỉ bước chân của người đẹp.
<b>Tác dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với thơ, làm cho câu thơ, câu văn hàm súc, trang nhã.</li> <li>- Đối với văn nghị luận, giúp người viết củng cố lí lẽ, làm tăng sức thuyết phục của văn bản.</li> <li>- Điển tích, điển cố được dùng rộng rãi trong các loại văn bản (thơ, truyện, chèo, tuồng, nghị luận,...), rất phổ biến trong văn học trung đại. Về sau, khi ý thức sáng tạo của cá nhân được đề cao, các tác giả hạn chế dùng điển tích, điển cố. Nếu lạm dụng điển tích, điển cố, văn bản sẽ trở nên nặng nề, khó hiểu, mòn sáo, hạn chế tính độc đáo.</li> </ul>	<p>Bấy lâu nghe tiếng má đào Mắt xanh chẳng để ai vào có không? (Nguyễn Du, Truyện Kiều)</p> <p><i>Mắt xanh</i> chữ Hán là “thanh nhãn”, lấy tích Nguyễn Tịch thời Tần khi tiếp người mình ưa thì nhìn thẳng nên để lộ trông mắt xanh, khi tiếp người mình ghét thì nhìn nghiêng để lộ trông mắt trắng. Trong lời Từ Hải, điển tích này có ý đánh giá rất cao cách nhìn người của Thúy Kiều.</p>

### 2.3. Cách dẫn trực tiếp, các dẫn gián tiếp

	<b>Cách dẫn trực tiếp</b>	<b>Cách dẫn gián tiếp</b>
<b>Khái niệm</b>	Là sử dụng nguyên văn từ ngữ, câu, đoạn,... của một văn bản gốc vào bài viết, bài nói. Trong bài viết, phần dẫn trực tiếp cần được đặt trong dấu ngoặc kép	Là sử dụng ý tưởng của người khác và diễn đạt lại theo cách của mình. Tuy được diễn đạt lại nhưng ý tưởng trong văn bản gốc cần được thể hiện một cách trung thành. Trong bài viết, phần dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép.
<b>Dấu hiệu nhận biết</b>	Đặt trong dấu ngoặc kép và theo sau là dấu hai chấm	Thay vì trích dẫn chính xác những gì người nói đã nói, lời dẫn gián tiếp cho phép chúng ta điều chỉnh và thay đổi ý kiến một cách hài hòa với nội dung văn bản.
<b>Tác dụng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền tải thông tin chính xác</li> <li>- Tăng tính chân thật và sống động</li> <li>- Tạo độ tin cậy và động viên</li> <li>- Dễ dàng trích dẫn và sử dụng lại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền đạt thông tin</li> <li>- Thể hiện sự suy nghĩ và phân tích</li> <li>- Tạo sự tương tác và tiếp thu</li> <li>- Tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ</li> <li>- Tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt</li> </ul>
<b>Ví dụ</b>	Khánh nói: "Tôi rất hạnh phúc về thành tích đạt được."	Khánh nói với tôi cậu ấy rất hạnh phúc về thành tích đạt được

### 2.4. Câu đơn, câu ghép

	<b>Câu đơn</b>	<b>Câu ghép</b>
<b>Khái niệm</b>	Là câu được cấu tạo bằng một cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt (cụm chủ ngữ – vị ngữ không bị bao chứa trong một cụm từ khác).	Là câu do hai hoặc nhiều cụm chủ ngữ – vị ngữ nòng cốt tạo thành, mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ này được gọi là một vế câu.
<b>Phân loại</b>	Câu đơn được chia thành 3 loại gồm câu đơn bình thường, câu đơn rút gọn và câu đơn đặc biệt. Cụ thể:	Về cơ bản, câu ghép có 5 loại: - Câu ghép đẳng lập: bao gồm hai vế câu không phụ thuộc vào nhau và có mối

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểu câu đơn bình thường có nghĩa là kiểu câu đơn gồm đủ 2 bộ phận chính là chủ ngữ và vị ngữ để làm nòng cốt cho câu.</li> <li>- Kiểu câu đơn rút gọn là dạng câu đơn khuyết đi một trong hai bộ phận cấu thành câu, hoặc cũng có thể là cả hai bộ phận đều được rút gọn lại.</li> <li>- Kiểu câu đơn đặc biệt thường dùng để bộc lộ cảm xúc hoặc nêu cảm nhận bản thân về một sự việc hay hiện tượng nào đó.</li> </ul>	<p>quan hệ ngang hàng, không phụ thuộc vào nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu ghép chính phụ: câu ghép chính – phụ là câu được nối với nhau bằng quan hệ từ hoặc được kết nối bằng một cặp từ hô ứng.</li> <li>- Câu ghép hô ứng: câu ghép hô ứng hay còn gọi là câu ghép qua lại. Cách thức để kết nối những vế trong câu ghép hô ứng bao gồm phụ từ và cặp đại từ: “chưa...đã”, “vừa...vừa”, “mới...đã”, “càng...càng”, “nào...này”, “bao nhiêu...bấy nhiêu”,...</li> <li>- Câu ghép chuỗi: là câu ghép có hai vế trở lên, giữa các vế có quan hệ chuỗi, tức là theo kiểu liệt kê</li> <li>- Câu ghép hỗn hợp: giữa các vế của câu ghép hỗn hợp sẽ có mối quan hệ tăng bậc và có nhiều kiểu quan hệ về ngữ pháp.</li> </ul>
<p><b>Ví dụ</b></p>	<p>VD1: Kiểu câu đơn bình thường Hà: "Tôi nay, mấy giờ mình đi xem phim?". An trả lời: "8h" =&gt; Có thể thấy cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ trong câu đều đã bị rút gọn và lược bỏ. Câu đầy đủ sẽ là "hẹn cậu tối nay 8h đi xem phim nha".</p> <p>VD2: Kiểu câu đơn rút gọn Mẹ hỏi hai đứa "Ai là người đã xem tivi lúc mẹ vắng nhà" An lẩm lèp trả lời "Con ạ" =&gt; Có thể thấy câu trả lời của An đã rút bớt đi thành phần vị ngữ. Câu đầy đủ phải là "Con đã xem ạ"</p> <p>VD3: Kiểu câu đơn đặc biệt "Sa Pa" =&gt; đây là câu đơn đơn biệt xác định rõ địa điểm. "Còn đời mày nữa" (Ngô Tất Tố) =&gt; câu đơn đặc biệt xác định trạng thái tồn tại của sự vật.</p>	<p>VD1: <b>Câu ghép đẳng lập</b> "Hôm nay tôi làm việc hoặc mai làm."</p> <p>VD2: <b>Câu ghép chính phụ</b> "Nếu em chăm chỉ hơn thì em đã thành công"</p> <p>VD3: <b>Câu ghép hô ứng</b> "Người thế nào thì vật thế ấy."</p> <p>VD4: <b>Câu ghép chuỗi</b> "Trời mưa, gió lớn, cây đổ."</p> <p>VD5: <b>Câu ghép hỗn hợp</b> "Mặc dù tôi đã khuyên nó cố gắng siêng năng nhưng nó không nghe cho nên bây giờ nó vẫn chưa tìm được việc"</p>

### 3. Phần làm văn

#### 3.1. Phân tích một tác phẩm thơ

Phân tích một đoạn trích tác phẩm thơ	
<b>Định hướng</b>	Phân tích một tác phẩm thơ là kiểu bài đã được học ở lớp dưới. Yêu cầu phân tích một tác phẩm thơ ở đây gắn với ngữ liệu các bài đọc hiểu về thơ và thơ song thất lục bát, vì thế, các em cần xem lại những văn bản thơ đã đọc hiểu trong Bài 1.
<b>Yêu cầu</b>	- Đọc kĩ bài thơ, chú ý đặc điểm thể loại, tác giả và hoàn cảnh ra đời (nếu cần thiết) của tác phẩm.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.</li> <li>- Thực hiện các bước viết bài văn theo quy trình bốn bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.</li> <li>- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như với cá nhân em.</li> </ul>
<b>Dàn ý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu khái quát về đề tài và giá trị của bài thơ Khóc Dương Khuê.</li> <li>- Thân bài: Có thể nêu các ý theo trình tự sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu hoàn cảnh ra đời và sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc cho tác giả viết bài thơ.</li> <li>+ Nêu chủ đề của bài thơ.</li> <li>+ Phân tích các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung bài thơ.</li> <li>+ So sánh với một số bài thơ viết về cùng đề tài (nếu có) để làm rõ sự độc đáo của bài Khóc Dương Khuê.</li> </ul> </li> <li>- Kết bài: Khái quát giá trị bài thơ và nêu tác động của bài thơ đối với cá nhân em.</li> </ul>

### 3.2. Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học

<b>Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học</b>	
<b>Định hướng</b>	Ở Bài 1, các em đã được rèn luyện kỹ năng phân tích một tác phẩm văn học, đối tượng phân tích là một bài thơ trọn vẹn. Bài 2 tiếp tục rèn luyện kỹ năng phân tích một đoạn trích gắn với truyện thơ Nôm.
<b>Yêu cầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kỹ đoạn trích, chú ý đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm đã học và xác định rõ vị trí đoạn trích trong tác phẩm.</li> <li>- Xác định nội dung và các yếu tố hình thức nổi bật của đoạn trích. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.</li> <li>- Xác định luận đề và các luận điểm trong bài viết, lựa chọn bằng chứng từ đoạn trích cho mỗi luận điểm.</li> <li>- Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa và sự tác động của văn bản đối với người đọc cũng như bản thân em.</li> </ul>
<b>Dàn ý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu khái quát về Truyện Kiều và đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.</li> <li>- Thân bài <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu tóm tắt câu chuyện trước đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích và cảm hứng chủ đạo của đoạn trích này.</li> <li>+ Phân tích khung cảnh gọi nỗi nhớ của Thuý Kiều qua đoạn mở đầu (từ đầu đến “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn không gian, thời gian và các hình ảnh.</li> <li>+ Phân tích nỗi nhớ thương của Thuý Kiều qua đoạn tiếp theo (từ “Tưởng người dưới nguyệt chén đồng” đến “Có khi gốc tử đã vừa người ôm?”). Chú ý nghệ thuật lựa chọn ngôn từ và bút pháp miêu tả nội tâm nhân vật.</li> <li>+ Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều qua tám dòng thơ cuối. Chú ý các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, lựa chọn hình ảnh, không gian và thời gian, câu hỏi tu từ, ...</li> </ul> </li> <li>- Kết bài: Nêu những suy nghĩ và cảm xúc của em về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích.</li> </ul>

### 3.3. Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

<b>Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh</b>	
<b>Định hướng</b>	Mỗi vùng miền trên đất nước ta đều có những phong cảnh thiên nhiên kì diệu được coi là những danh lam thắng cảnh. Đó đều là những di sản quý báu cần bảo vệ, gìn giữ và giới thiệu rộng rãi cho nhiều người biết. Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh là nêu lên các đặc điểm nổi bật của danh lam thắng cảnh đó, phân tích làm sáng tỏ vẻ đẹp và giá trị (vật chất và tinh thần) của di sản được giới thiệu,... Ngoài ra, cũng có thể nêu các hướng dẫn và lưu ý đối với khách khi đến tham quan,...
<b>Yêu cầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định danh lam thắng cảnh cần giới thiệu</li> <li>- Tìm hiểu và ghi chép các thông tin quan trọng cần giới thiệu về danh lam thắng cảnh đó.</li> <li>- Triển khai bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh theo bố cục ba phần, trong nội dung cụ thể của mỗi phần có kết hợp thuyết minh với các phương thức biểu đạt khác, phương tiện ngôn ngữ với hình ảnh.</li> <li>- Liên hệ và kết nối với những hiểu biết, trải nghiệm của cá nhân về các danh lam thắng cảnh trong nước và thế giới để viết bài văn sinh động, giàu sức thuyết phục.</li> </ul>
<b>Dàn ý</b>	

### 3.4. Phân tích một tác phẩm truyện

<b>Phân tích một tác phẩm truyện</b>	
<b>Định hướng</b>	Bài văn phân tích một tác phẩm truyện cần phân tích được nội dung chủ đề; dẫn ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm, từ đó, nêu lên nhận xét, đánh giá cá nhân về hiệu quả thẩm mỹ của những nét đặc sắc ấy.
<b>Yêu cầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc kĩ văn bản truyện, xác định chủ đề của truyện</li> <li>- Xác định các đặc sắc nghệ thuật của truyện như: nhan đề, ngôi kể, cốt truyện, tình huống truyện, nhân vật, lời nhân vật và lời người kể chuyện, ...; làm rõ tác dụng của những yếu tố này trong việc thể hiện chủ đề, ý nghĩa của tác phẩm.</li> <li>- Xác định các luận điểm trong bài viết; lựa chọn các bằng chứng từ tác phẩm truyện cho mỗi luận điểm.</li> <li>- Liên hệ, so sánh với những tác giả, tác phẩm khác có cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả được thể hiện trong tác phẩm truyện. Từ bối cảnh đọc hiện tại và hoàn cảnh bản thân để suy nghĩ, nhận xét về tác động, ý nghĩa của tác phẩm với người đọc và cá nhân.</li> </ul>
<b>Dàn ý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu nhan đề, tác giả và nhận xét chung về truyện.</li> <li>- Thân bài: Phân tích chủ đề của truyện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu và nhận xét về chủ đề của truyện.</li> <li>+ Phân tích, đánh giá các đặc sắc nghệ thuật để làm rõ chủ đề của truyện và hiệu quả thẩm mỹ của các đặc sắc đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>· Đặc sắc về nhan đề và tình huống truyện: nhan đề gián dị, giàu sức khái quát; tình huống truyện độc đáo.</li> <li>· Đặc sắc về nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật (ông Hai và một số nhân vật).</li> <li>· Một số đặc sắc nghệ thuật khác trong truyện: ngôi kể, ngôn ngữ, ...</li> </ul> </li> </ul> </li> <li>- Kết bài: Nhận xét khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện. Nêu ý nghĩa, tác động của truyện đối với người viết.</li> </ul>

### 3.5. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

<b>Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết</b>	
<b>Định hướng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu lên được vấn đề cần giải quyết.</li> <li>- Triển khai tường minh, mạch lạc; làm rõ những hạn chế của vấn đề cần được khắc phục.</li> <li>- Trình bày được một số biện pháp khả thi và có sức thuyết phục để giải quyết những hạn chế của vấn đề.</li> </ul>
<b>Yêu cầu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn vấn đề mang tính thời sự, có ý nghĩa xã hội, đang còn những hạn chế cần được giải quyết; vấn đề có tính thiết thực và phù hợp với mối quan tâm của các em.</li> <li>- Trình bày rõ những hạn chế của vấn đề; nêu và lí giải được một số đề xuất để khắc phục những hạn chế đó.</li> <li>- Làm sáng tỏ luận đề của bài viết bằng các luận điểm, với đủ lí lẽ và bằng chứng phong phú, chính xác, có sức thuyết phục, ...</li> <li>- Thể hiện rõ mục đích, thái độ của bản thân về vấn đề thông qua lí lẽ, bằng chứng và giọng điệu.</li> </ul>
<b>Dàn ý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở bài: Giới thiệu vấn đề một số học sinh ngại đọc sách, nêu nhận xét chung.</li> <li>- Thân bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trình bày cụ thể các biểu hiện của vấn đề một số học sinh ngại đọc sách.</li> <li>+ Lí giải về những tác hại của việc ngại đọc sách (đối với việc học, phát triển bản thân, ...).</li> <li>+ Chỉ ra những nguyên nhân khiến một số học sinh ngại đọc sách (chủ quan, khách quan).</li> <li>+ Đề xuất những biện pháp khắc phục vấn đề một số học sinh ngại đọc sách (Bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng nên làm gì, làm như thế nào?).</li> </ul> </li> <li>- Kết bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khẳng định quan điểm của bản thân về vấn đề.</li> <li>+ Nêu lên suy nghĩ, mong muốn của bản thân liên quan đến vấn đề.</li> </ul> </li> </ul>

## B. BÀI TẬP

### 1. Phần đọc hiểu

#### Văn bản Sông núi nước Nam

##### Câu 1.

- a. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ gì?
- b. Vì sao bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên?

#### Văn bản Khóc Dương Khuê

##### Câu 2.

- a. Bài thơ viết theo thể thơ nào và về đề tài gì?
- b. Chỉ ra 03 kỉ niệm giữa nhà thơ và bạn của mình được nhắc tới trong bài thơ.
- c. Nhận xét về tình bạn của nhà thơ và Dương Khuê.

#### Văn bản Phò giá về kinh

##### Câu 3.

- a. Bài thơ Phò giá về kinh được viết theo thể loại nào?
- b. Đặc điểm gieo vần của bài thơ Phò giá về kinh là gì?



c. Nêu tình cảm, thái độ của nhà thơ thể hiện qua bài thơ.

### Văn bản Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ

#### Câu 4. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Gà eo óc gáy sương năm trống,  
 Hoè phát phơ rú bóng bốn bên.  
 Khắc giờ đằng đẵng như niên,  
 Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa  
 Hương gương đốt, hồn đà mê mải,  
 Gương gương soi, lệ lại chứa chan.  
 Sắt cầm gương gãy ngón đàn,  
 Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.

- Xác định các từ láy trong văn bản? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ láy đó.
- Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp và các biện pháp tu từ trong văn bản?
- Xác định nguyên nhân gây ra nỗi đau khổ của người chinh phụ trong văn bản.

### Văn bản Cảnh ngày xuân

#### Câu 5. Đọc kỹ đoạn văn dưới đây và trả lời các câu hỏi

Thanh minh trong tiết tháng ba  
 Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh  
 Gần xa nô nức yến anh  
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân  
 Dập dìu tài tử giai nhân  
 Ngựa xe như nước áo quần như nêm

- Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?
- Tìm 4 từ ghép Hán Việt trong đoạn thơ trên.
- Câu thơ nào là câu ghép? Câu nào dùng đảo ngữ?
- Chỉ ra những từ láy trong đoạn thơ. Những từ láy đó giúp em hình dung một ngày lễ hội như thế nào?

### Văn bản Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

Câu 6. Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên nổi bật với những phẩm chất nào?

### Văn bản Kiều ở lầu Ngưng Bích

Câu 7. Cảm nhận của em về tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.

### Văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mỹ

Câu 8. Từ văn bản, xác định những giá trị của vịnh Hạ Long.

### Văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-go-a-zu

Câu 9.

- Xác định bố cục và nội dung chính của từng phần
- Xác định mục đích của văn bản
- Nêu đặc điểm và giá trị của thác I-goat-du

### Văn bản Vườn Quốc gia Tràm Chim – Tam Nông

**Câu 10.** Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh thể hiện ở văn bản Vườn quốc gia Tràm Chim - Tam Nông

### Văn bản Làng

**Câu 11.** Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau. Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:*

*- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm.*

*Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!... Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lừa thì sao có khời? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?*

- Nêu nội dung chính của đoạn trích
- Trong đoạn: Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm.

*Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy.*

“Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

c. Câu “Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.” thì từ “Chả nhẽ” là thành phần gì trong câu? Nêu rõ tên thành phần đó?

d. Đoạn văn “Nhưng sao lại nảy ra cái tin...cái cơ sự này chưa?...” là lời của ai? Điều đó có ý nghĩa gì trong việc bộc lộ tâm trạng của nhân vật ông Hai?

### Văn bản Ông lão bên chiếc cầu

**Câu 12.**

- Xác định đề tài, bối cảnh, ngôi kể và các nhân vật trong truyện.
- Nhân vật ông lão được thể hiện như thế nào?

### Văn bản Chiếc lược ngà

**Câu 13.** Đoạn đoạn trích:

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung toé cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào, nó cầm đũa gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bển, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới cổ làm cho dây lời tới khua rỗng rỗng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy

- Nêu tóm tắt mối quan hệ tình cảm giữa hai nhân vật được kể trước khi sự việc này xảy ra?
- Những biểu hiện của nhân vật bé Thu ở trên nói lên thái độ gì và qua đó bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nhân vật ông Sáu?

**Văn bản Chiếc lá cuối cùng****Câu 14.**

- Văn bản thuộc thể loại gì và được kể theo ngôi thứ mấy?
- Xác định các nhân vật xuất hiện trong văn bản
- Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?

**Văn bản Bàn về đọc sách****Câu 15.** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại. Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sẽ dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại. Chúng ta mong tiến lên từ văn hoá, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giạt lùi, làm kẻ lạc hậu.

(2) Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.

(Chu Quang Tiềm – Bàn về đọc sách)

- Vấn đề nghị luận trong đoạn trích trên là gì?
- Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, anh/ chị thấy sách có tầm quan trọng như thế nào? Việc đọc sách có ý nghĩa gì?
- Theo anh/ chị, vì sao muốn tích lũy kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc?

**Văn bản Khoa học muôn năm**

**Câu 16.** Xác định nội dung chính của văn bản

**Văn bản Mục đích của việc học**

**Câu 17.** Xác định hệ thống luận điểm của văn bản

## 2. Phần tiếng Việt

### 2.1. Chữ Nôm, chữ Quốc ngữ

**Câu 1.** Trong các tác phẩm dưới đây, tác phẩm nào viết bằng chữ Hán, tác phẩm nào viết bằng chữ Nôm, tác phẩm nào viết bằng chữ Quốc ngữ?

Sông núi nước Nam (khuyết danh), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Quốc âm thi tập (Nguyễn Trãi), Truyện Kiều (Nguyễn Du), Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu), Tuyên ngôn Độc lập (Hồ Chí Minh), Nhật kí trong tù (Hồ Chí Minh), Tắt đèn (Ngô Tất Tố), Lão Hạc (Nam Cao), Dế Mèn phiêu lưu kí (Tô Hoài).

**Câu 2.** Hãy tìm thêm một số ví dụ về các trường hợp sau trong chữ Quốc ngữ:

- Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi cùng một âm. Ví dụ, ghi âm /k/ bằng các chữ c, k, q.....
- Trường hợp dùng một chữ cái để ghi nhiều âm khác nhau. Ví dụ, dùng chữ a vừa để ghi âm /a/, vừa để ghi âm /ă/....
- Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm. Ví dụ: ch, ng, kh...

### 2.2. Điển tích, điển cố

**Câu 3.** Hãy phân tích ý nghĩa của điển tích: nước cành dương, mặt cưa mướp đắng, mắt xanh

**Câu 4.** Xác định điển tích, điển cố và nêu tác dụng của việc sử dụng điển tích, điển cố trong các trường hợp sau

- Trướng hùm mở giữa trung quân,  
 Từ Công sánh với phu nhân cùng ngồi.  
 Tiên nghiêm, trông chửa dứt hồi,  
 Diêm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên.

(Nguyễn Du, truyện Kiều)

- Cho gươm mời đến Thúc Lang,  
 Mặt như chàm đỏ, mình dường dẽ run.  
 Nàng rằng: “Nghĩa trọng nghìn non,  
 Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ kkkhông?  
 Sâm, Thương chẳng vẹn chữ tòng,  
 Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?  
 Gân trăm cuối, bạc nhìn cân.  
 Tạ lòng dẽ xứng, báo ân gọi là, [...]”

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

**Câu 5.** Tìm các điển cố, điển tích (in đậm) ở bên A với nguồn gốc và nghĩa nêu ở bên B:

A. Điển cố, điển tích	B. Nguồn gốc và nghĩa
a. Tấm lòng cứu nước, vẫn dăm dăm muốn tiến về đông, / <b>Cỗ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tả</b> (Nguyễn Trãi)	1. Điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Vua Hán Vũ Đế kén phò mã, cho công chúa ngồi trên lầu ném quả cầu xuống, ai cướp được thì được làm phò mã”. Câu thơ mượn chuyện này để ngụ ý: Cha mẹ Thuý Kiều mong muốn gả con vào nơi xứng đáng.
b. <b>Chí làm trai dậm ngàn da ngựa</b> / Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao (Chinh phụ ngâm)	2. Điển tích, lấy từ chuyện xưa bên Trung Quốc: “Tín Lăng Quân người nước Ngụy, nghe nói Hầu Doanh là người hiền tài, đem xe đi đón. Tín Lăng Quân ngồi bên hữu (bên phải), dành bên tả (bên trái) cho Hầu Doanh để tỏ ý đặc biệt tôn trọng.”. Câu văn mượn chuyện này để ngụ ý: Lê Lợi luôn mong đợi người hiền tài.
c. Một hai <b>nghiêng nước nghiêng thành</b> , / Sắc đành đòi một tài đành họa hại (Nguyễn Du)	3. Điển cố, lấy ý từ câu ca Mã Viện thời Hán: “Bạc trượng phu nên chết ở nơi biên giới, chốn chiến trường, lấy da ngựa mà bọc thân...”. Câu này ngụ ý: Làm trai phải đánh đông dẹp bắc, xả thân nơi chiến trường vì nghĩa lớn.
d. Nuôi con những ước về sau/ Trao tơ phải lứa, <b>gieo cầu</b> đáng nơi. (Nguyễn Du)	4. Điển cố, lấy từ bài ca của Lý Diên Niên (Trung Quốc): "Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc (Ngoảnh lại một cái làm xiêu thành trì của người, ngoảnh lại cái nữa làm xiêu nước người). Câu thơ mượn từ ngữ của bài thơ xưa để diễn tả về đẹp của Thuý Kiều.

## 2.2. Cách dẫn trực tiếp, Cách dẫn gián tiếp

**Câu 6.** Tìm lời dẫn trong những đoạn trích sau (trích từ truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao). Cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

a) Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng: A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão đối xử với tôi như thế này à?”.

b) Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả...”

**Câu 7.** Hãy chuyển đoạn trích sau trở thành lời dẫn gián tiếp:

a. Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên đây cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn sai sự mục đích cả.

b. Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, mà cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu gọi một tiếng “ba” không được sao?

**Câu 8.** Tìm lời dẫn cho những đoạn trích sau, xác định đó là lời nói hay ý nghĩa được trích dẫn, và xác định liệu đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

a, Họa sĩ suy tư: “Khách tới đột ngột, chắc em chưa kịp dọn dẹp, gấp chần chảnh hạn”. Ông ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy chàng trai đang hái hoa. Cô kỹ sư chỉ “ô” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua gần bốn trăm cây số đường cách xa Hà Nội...

b, Anh Nhuận Thổ nói:

- Lạy ông cụ ạ! Con đã nhận được thư của ông, biết ông sắp về chơi, thật là vui quá!

Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ừ, sao lại xa cách như vậy! Chẳng phải là trước đây, ta vẫn gọi nhau là anh em chứ! Hãy gọi là anh Tấn như trước đi!

**Câu 9.** Chuyển đoạn trích sau thành lời dẫn gián tiếp:

a. Trước khi đến cửa, ông lão đã lầm bầm:

- Ông Thử ở đâu rồi? Ông Thử đang làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi ông ạ. Đốt sạch! Ông chủ tịch làng tôi mới đến đây làm rõ, ông ấy cho biết... làm rõ tin đồn làng Chợ Dầu chúng tôi đến Việt gian ấy mà. Lừa! Lừa hết! Toàn sai sự mục đích cả.

b. Anh Sáu vẫn ngồi im lặng. Tôi đe dọa nó:

- Cơm nhão như thế này, về nhà thì cháu cũng phải nhận phải một trận đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Gọi một tiếng “ba” cũng không được sao?

**Câu 10.** Chuyển các câu sau đây từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp:

1. Minh nói: "Tôi rất thích đọc sách."
2. Cô giáo hỏi: "Em đã làm xong bài tập chưa?"
3. Bà bảo: "Cháu nhớ giữ gìn sức khỏe nhé."
4. Hương thắc mắc: "Tại sao hôm nay trời lại mưa to vậy?"

### 2.3. Câu đơn, câu ghép

**Câu 11.** Xác định các câu sau đây là câu đơn hay câu ghép:

1. Em rất thích đọc sách.
2. Trời mưa to nhưng mọi người vẫn ra ngoài làm việc.
3. Cô ấy chăm chỉ học tập và luôn đạt điểm cao.
4. Chúng tôi đi dã ngoại, cả nhóm đã chụp rất nhiều ảnh.
5. Con mèo nằm ngủ trên ghế.

**Câu 12.** Chuyển các câu đơn sau thành câu ghép:

- a. Hôm nay tôi được nghỉ học.
- b. Nam rất yêu thể thao.

**Câu 13.** Chuyển các câu ghép sau thành câu đơn:

- Trời nắng đẹp nên tôi đi dạo.
- Lan học rất giỏi nhưng cô ấy vẫn luôn khiêm tốn.

**Câu 14.** Điền từ nối phù hợp để hoàn chỉnh câu ghép sau:

- Trời lạnh \_\_\_\_ mọi người vẫn đi bộ tập thể dục.
- Tôi không thích xem phim kinh dị \_\_\_\_ bạn tôi lại rất mê.
- Cậu ấy vẽ rất đẹp \_\_\_\_ bài dự thi của cậu ấy đạt giải nhất

**Câu 15.** Viết 3 câu đơn và 3 câu ghép theo chủ đề: "Cuộc sống hằng ngày".

### 3. Phần làm văn

#### 3.1. Phân tích một tác phẩm thơ

**Câu 1.** Viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về bài thơ Sông núi nước Nam

**Câu 2.** Phân tích bài thơ Khóc Dương Khuê

**Câu 3.** Phân tích bài thơ Phò giá về kinh

#### 3.2. Phân tích một đoạn trích tác phẩm văn học

**Câu 4.** Phân tích đoạn trích Cảnh ngày xuân trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

**Câu 5.** Phân tích đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga trích Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu

**Câu 6.** Phân tích đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du

#### 3.3. Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh

**Câu 7.** Thuyết minh về danh lam thắng cảnh Chùa Hương

**Câu 8.** Hãy viết bài văn thuyết minh về Lăng Bác

**Câu 9.** Hãy viết bài văn thuyết minh về Văn miếu Quốc Tử Giám

#### 3.4. Phân tích một tác phẩm truyện

**Câu 10.** Phân tích truyện ngắn Làng của Kim Lân

**Câu 11.** Phân tích truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng

**Câu 12.** Phân tích truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O. Hen-ry

#### 3.5. Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết

**Câu 13.** Trình bày suy nghĩ của em về câu nói "Thiên nhiên không chỉ là nơi chúng ta sống, mà còn là nguồn cảm hứng vô tận cho tâm hồn con người".

**Câu 14.** Trước thực trạng thiên nhiên đang bị tàn phá nghiêm trọng, hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ môi trường sống của mình.

**Câu 15.** Trình bày suy nghĩ của em về tình trạng thiếu động lực học tập ở học sinh và những cách để khơi dậy niềm đam mê học hỏi

### C. LỜI GIẢI CHI TIẾT

**1. Phần đọc hiểu****Câu 1.**

a. Thất ngôn tứ tuyệt

b. Bài thơ sông núi nước Nam được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta vì bài thơ tuyên bố chủ quyền độc lập của đất nước và không một thế lực nào có thể xâm phạm quyền độc lập tự do của dân tộc.

**Câu 2.**

a.

Bài thơ Khóc Dương Khuê viết bằng thể thơ song thất lục bát.

Đề tài bài Khóc Dương Khuê viết về tình bằng hữu/ tình bạn bè.

b.

+ Cùng đi hát ả đào.

+ Cùng uống rượu ngon

+ Cùng bàn soạn câu văn trong các sách cổ,...

c. Tình bạn giữa nhà thơ Nguyễn Khuyến và Dương Khuê: được thể hiện qua việc nhà thơ nhắc lại bao kỉ niệm đã gắn bó cùng với bạn; thể hiện qua nỗi đau đớn, tiếc thương bạn từ chính cõi lòng nhà thơ lan tỏa ra cả không gian rộng lớn, bao la. Đó là tình bạn đẹp đẽ, chân thành, đáng quý giữa những người bạn tri âm, tri kỉ. Qua tình bạn giữa nhà thơ và Dương Khuê, nhà thơ đã lan tỏa đến người đọc giá trị của tình bạn chân chính.

**Câu 3.**

a. Ngũ ngôn tứ tuyệt (4 câu thơ, mỗi câu thơ có 5 chữ)

b. Vẫn được gieo ở tiếng thứ 5 của các câu 2, 4 (thù - thu)

c. Nhà thơ thể hiện tình cảm hân hoan, tự hào về chiến thắng quan trọng ở Chương Dương và Hàm Tử của dân tộc. Đồng thời, nhà thơ cũng thể hiện khát vọng thái bình, đất nước muôn đời vững bền của mình

**Câu 4.**

a.

- Các từ láy trong văn bản: *eo óc, phát phơ, dằng dẵng, dằng dặc, mê mải, chứa chan*

- Hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ láy: Gợi âm thanh, cảnh vật và diễn tả tâm trạng chờ đợi trong đau khổ, tuyệt vọng của người chinh phụ.

b. Phép điệp và các biện pháp tu từ trong văn bản:

- Phép điệp từ: *gượng* (3 lần); điệp ngữ: *Hương gượng đốt; Gương gượng soi; Sắt cầm gượng gảy*; điệp cú pháp: *Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.*

- So sánh: *dằng dẵng như niên; dằng dặc tựa miền biển xa*

Hiệu quả nghệ thuật:

- Sử dụng phép điệp:

+ Người chinh phụ gượng dây đốt hương để xua bớt đi cái lạnh lẽo, để tìm lại sự thanh thản, song tâm hồn lại như thêm mê man.



- + Gương soi gương để trang điểm nhưng nhìn thấy khuôn mặt mình thì chinh phụ lại ứa nước mắt.
- + Ngồi trước phím đàn nhưng chỉ gương gảy vì sợ dây đàn chùng báo hiệu điều không may. Tất cả chỉ là gương gạo, âm thầm, bởi nàng lẻ loi, cô độc quá.
- Biện pháp so sánh quen thuộc: như niên, tựa miền biên xa để cụ thể hóa nỗi sầu dằng dặc của người chinh phụ
- c. Nguyên nhân đau khổ của người chinh phụ có thể là:
  - + Nàng lo lắng cho sự an nguy của chồng nơi chiến trận;
  - + Tuổi trẻ qua đi vội vã. Hạnh phúc và tình yêu cũng sẽ mất theo. Điều đó chứng tỏ nàng rất khao khát được sống trong tình yêu và hạnh phúc lứa đôi;
  - + Niềm tin vào cuộc sống tương lai mỏng manh và vô vọng.

### Câu 5.

- a. Đoạn thơ trích từ tác phẩm Cảnh ngày xuân (trích Truyện Kiều), của tác giả Nguyễn Du.
- b. Bốn từ ghép Hán Việt là: Thanh minh, tảo mộ, tảo tử, giai nhân (hoặc đạp thanh, bộ hành)
  - c.
    - Câu thơ ghép: Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh
    - Câu dùng đảo ngữ: Gần xa nô nức yến anh
  - d. Những từ láy trong đoạn thơ là: Nô nức, sấm sủ, dập dìu
    - Đây là những từ láy tượng hình, tượng thanh gợi ra trước mắt người đọc khung cảnh đẹp về ngày hội trong buổi sáng thanh minh tháng ba.
      - + Không gian thoáng đãng, thời tiết ấm áp, dễ chịu.
      - + Gần xa trai –gái nô nức đi tảo mộ, dập dìu từng cặp, từng đôi, ngựa xe ngược xuôi, chen chúc, vui vẻ.
      - + Ngày lễ giao hòa độc đáo giữa cái quá khứ và hiện tại, cái đã qua và sắp tới.
      - + Những nam thanh nữ tú đi lễ tưởng niệm quá khứ nhưng có thể tìm thấy sợi tơ hồng trong ngày hội cho mai sau.

**Câu 6.** Qua hành động đánh cướp và cách cư xử với Kiều Nguyệt Nga, hình ảnh Vân Tiên là Hình ảnh một người anh hùng hảo hán, có khí phách, trượng nghĩa, thương võ, bênh vực kẻ yếu, trừ gian diệt ác cho nhân dân. Lục Vân Tiên không chỉ là một người có học thức mà còn là một người hào hiệp, trượng nghĩa. Đối với Vân Tiên, chàng coi việc nhân nghĩa trên đời là điều tất yếu, nếu làm ơn mà vì được đền đáp, trông ngóng đến việc trả ơn thì đó không còn là người anh hùng.

### Câu 7.

**a. Mở bài:** Giới thiệu chung về đoạn trích (Đoạn thơ hay nhất biểu hiện bút pháp nghệ thuật đặc sắc về tự sự, tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ độc thoại thể hiện nỗi lòng và tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều)

#### **b. Thân bài:**

- Tâm trạng của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:
  - + Đó là tâm trạng cô đơn buồn tủi, đau đớn xót xa
  - + Nàng nhớ đến Kim Trọng, thương chàng.

+ Nàng thương cha mẹ già thiếu người chăm sóc.

+ Nàng nghĩ về hiện tại của bản thân thì thấy buồn dâng lớp lớp như tâm trạng ngồn ngồn trước một tương lai mờ mịt, bế tắc.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lý của Nguyễn Du:

+ Nhà thơ sử dụng ngoại cảnh để tả tâm cảnh.

+ Vừa tạo ra sự đối lập Thiên nhiên rộng lớn – con người nhỏ bé cô đơn vừa tạo ra sự tương đồng: cảnh ngồn ngồn – tâm trạng ngồn ngồn, cảnh mờ mịt nhạt nhòa – tâm trạng u buồn, bế tắc.

+ Nguyễn Du sử dụng điệp ngữ, các từ láy tạo nên sự trùng điệp như nỗi lòng của Kiều đang “Lớp lớp sóng dồi”

### c. Kết bài:

- Khẳng định nghệ thuật vịnh cảnh ngụ tình đặc sắc của đại thi hào Nguyễn Du.

- Xót thương số phận tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều.

- Căm ghét xã hội phong kiến xấu xa, thối nát, tàn bạo.

### Câu 8.

- Giá trị độc đáo: là sự kết hợp của điêu khắc và hội họa, giữa tính hoành tráng khỏe khoắn với nét duyên dáng mơ mộng. Trên diện tích rộng mọc lên hàng nghìn đảo đá muôn hình muôn vẻ

- Giá trị tuyệt mỹ: cảnh quan biến đổi theo thời gian với vẻ đẹp huyền ảo và đặc sắc; hệ thống hang động với những lâu đài bí ẩn

### Câu 9.

a. Văn bản gồm 3 phần:

- Phần 1 (từ đầu đến “450000 mét khối”): thời gian, địa điểm và nét đặc sắc chính của thác I-go-a-zu

- Phần 2 (tiếp theo đến “khá kinh hoàng”): vẻ đẹp kì diệu và các trải nghiệm

- Phần 3 (còn lại): vấn bài sinh tử khi tham quan “họng quỷ”

b. Mục đích: giúp cho người đọc có những thông tin cơ bản về thác I-go-a- du và các trải nghiệm cảm giác mạnh khi khám phá nơi đây

c.

- Đặc điểm: có lưu lượng chảy trung bình năm lớn nhất trên thế giới với cảnh quan hùng vĩ, đồ sộ. Có rất nhiều hình thức trải nghiệm du lịch nơi đây: đường thủy, đường bộ và đường hàng không. Cuộc trải nghiệm “Họng quỷ” là một hành trình bất ngờ và cảm giác mạnh

- Giá trị: giá trị về tham quan, du lịch; về thủy điện và văn hóa của các quốc gia khu vực thác I-go-a-zu

### Câu 10. Đặc điểm:

- Tập trung nêu lên vẻ đẹp và giá trị của vườn quốc gia Tràm Chim với thiên nhiên, hệ sinh thái

- Trình bày theo trật tự không gian, phân loại đối tượng sinh vật, quan hệ nguyên nhân - kết quả của việc biến mất và xuất hiện...

- Nhan đề nêu địa danh: Tràm Chim - Tam Nông

### Câu 11.

a. Nội dung chính của đoạn trích trên là: Đoạn trích nói về tâm trạng đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

b. Trong đoạn: "Ông lão bỗng ngừng lại... có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy", "Ông lão" trong đoạn trích trên là nhân vật ông Hai.

- Điều "nhục nhã" được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.

- Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả:

(1) "Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm.

(3) Ông kiểm điểm từng người trong óc

- Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật:

(2) Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.

(4) Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà

(5) Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!

- Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng của ông Hai: băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.

c. Câu "Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được." thì từ "Chả nhẽ" là thành phần biệt lập tình thái trong câu.

d. Đoạn văn "Nhưng sao lại nảy ra cái tin...cái cơ sự này chưa?..." là lời độc thoại nội tâm của nhân vật ông Hai.

Điều này góp phần thể hiện sự nghi vấn, hoài nghi của ông Hai trước tin đồn làng Chợ Dầu theo Tây. Sau sự hoài nghi chính là nỗi đau và sự xấu hổ vì cả làng theo Tây.

### Câu 12.

a.

- Đề tài: Số phận con người và loài vật trong chiến tranh

- Bối cảnh: nội chiến Tây Ban Nha

- Ngôi kể thứ nhất

- Các nhân vật: tôi, ông lão

b. Nhân vật ông lão là một người có chân dung bụi bặm, xám bản nhưng ánh lên sau đó là tấm lòng lương thiện sâu sắc dành cho các con vật nuôi của mình

### Câu 13.

a. Tóm tắt mối quan hệ tình cảm giữa hai nhân vật được kể trước khi sự việc này xảy ra:

Quan hệ hai cha con ông Sáu trước đó đã không êm ả: Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, bé Thu không nhận ra ông Sáu là cha nên nó đối xử với ông như với người xa lạ. Còn ông Sáu dù đã cố gắng vỗ về nó để mong được gọi là "ba" nhưng không thành.

b. Những biểu hiện của bé Thu ở trên nói lên thái độ bướng bỉnh không chịu nhận ông Sáu làm cha.

### Câu 14.

a. Văn bản thuộc thể loại truyện ngắn và được kể theo ngôi thứ ba

b. Các nhân vật xuất hiện trong văn bản: Xiu, Giôn-xi, cụ Bơ-men

c. Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa quyết định số phận của cô. Nếu nó rụng, cuộc đời của cô cũng sẽ chấm hết.

### Câu 15.

a. Vấn đề nghị luận trong đoạn trích trên là:

- Đoạn 1: tác giả Chu Quang Tiềm bàn về việc đọc sách và nhấn mạnh đọc sách là một con đường quan trọng của học vấn. “Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại”.

- Đoạn 2: tác giả khẳng định “Đọc sách là muôn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi”. Và con đường học vấn không thể thiếu sách.

b. Qua lời bàn của Chu Quang Tiềm, ta thấy sách có tầm quan trọng rất lớn, đó là con đường của học vấn vì sách là kho tàng tích lũy kiến thức của nhân loại. Muốn tiến bộ thì phải đọc sách, phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát.

Việc đọc sách có ý nghĩa: tiếp thu kiến thức, cập nhật những vấn đề mới để không bị lạc hậu. Từ đó ta mới có thể vững vàng trên con đường học vấn.

c. Muốn tích lũy kiến thức, đọc sách có hiệu quả thì trước tiên cần phải biết chọn lựa sách mà đọc vì: sách có nhiều loại sách, nhiều lĩnh vực: khoa học, xã hội, giải trí, giáo khoa... Mỗi chúng ta cần biết mình ở độ tuổi nào, có thể mạnh về lĩnh vực gì. Xác định được điều đó ta mới có thể tích lũy được kiến thức hiệu quả. Cần hạn chế việc đọc sách tràn lan lãng phí thời gian và công sức...

**Câu 16.** Nội dung chính: văn bản nêu lên giá trị của khoa học và nghệ thuật, mối quan hệ giữa khoa học và nghệ thuật. Qua văn bản, tác giả đem tới những thông tin thiết thực, lí thú về giá trị của một nền khoa học.

### Câu 17.

Luận điểm	Lí lẽ, bằng chứng
Học để hiểu	- là đi sâu nắm bắt bản chất; khai thác, phân tích; tư duy - là cách học khoa học, tự nghiên cứu, tạo cho mình năng lực tự học - mối quan hệ giữa học và hiểu
Học để làm	- Các quan điểm của Hồ Chí Minh, Kant, Piaget - Cần có năng lực xử lí tình huống mới - Mối quan hệ giữa học và làm
Học để hợp tác, cùng chung sống	- cần hiểu bản thân và người khác - ý nghĩa - Mối quan hệ giữa học và hợp tác
Học để làm người	- giải thích - khám phá ra bản thân, vượt qua chính mình - kết quả: tạo ra con người tự chủ, sáng tạo...

## 2. Phần tiếng Việt

### Câu 1.

\* Viết bằng chữ Hán:

- Sông núi nước Nam

- Hịch tướng sĩ

- Nhật kí trong tù
- \* Viết bằng chữ Nôm
- Quốc âm thi tập
- Truyện Kiều
- Truyện Lục Vân Tiên
- \* Viết bằng chữ Quốc ngữ
- Tuyên ngôn Độc lập
- Tắt đèn
- Lão Hạc
- Dế Mèn phiêu lưu kí

**Câu 2.**

- a) Âm /c/ thay cho /k/, /q/...
- b) Âm /â/ vừa để ghi âm /ă/ vừa để ghi âm /ơ/
- c) Qu, ngh, gh...

**Câu 3.**

nước cảnh dương	mạc cưa mướp đấng	mắt xanh
<p>-Tính lịch sử: có người nước Thiên Trúc tên là Trùng rất giỏi các phép chữa bệnh của nhà Phật. Thạch Lộc nghe tiếng, mời đến chữa bệnh cho con đang ốm nặng. Trùng lấy cảnh dương nhúng vào nước trong rẫy lên mình người bệnh. Người bệnh tỉnh và sống lại.</p> <p>-Tính biểu trưng: điển tích này dùng để chỉ nước phép chữa được bệnh.</p>	<p>-Tính lịch sử: có người lấy mạt cưa già làm cám đem đi bán. Người ấy lại gặp một người khác lấy mướp đấng già làm dưa chuột. Hai bên mua bán cho nhau</p> <p>- Tính biểu tượng: điển tích này dùng để chỉ phường bịp bợm.</p>	<p>Tính lịch sử: Nguyễn Tịch đòi Tấn quý ai thì tiếp bằng mắt xanh (lòng đen của mắt), không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng (lòng trắng của mắt).</p> <p>Tính biểu trưng: thể hiện lòng quý trọng của chủ thể đối với một người nào đó.</p>

**Câu 4.**

- a.
  - Điển tích, điển cố trong văn bản trên: trướng hùm, cửa viên
  - b.
  - Điển tích, điển cố trong văn bản trên: dẽ run, Sâm, Thương.
- => Tác dụng: Cách diễn đạt trở nên hàm súc, uyên bác, giàu sức biểu hiện, gián tiếp bộ lộ, thái độ, cảm xúc của tác giả, tạo nhịp điệu cho câu thơ.

**Câu 5.** a – 2; b – 3; c – 4; d – 1

**Câu 6.**

Cách dẫn trong các câu ở (a) và (b) đều là dẫn trực tiếp.

a) “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à?”.

⇒ Lời nói

b) “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mò ma mẹ nó, mẹ nó thất lung buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thứ còn rẻ cả...”

⇒ Ý nghĩ

### Câu 7.

a. Ông Hai chưa đến bực cửa đã bô bô nói với bác Thứ rằng ông chủ tịch làng chợ Dầu mới lên cải chính tin đồn làng ông theo giặc.

b. Tôi dọa nó nếu để com nhão thế nào cũng bị đánh đòn, và nhắc nó gọi “ba” giúp đỡ.

### Câu 8.

a. Lời dẫn gián tiếp.

Tác giả trình bày suy nghĩ, lời nói của nhân vật

b. Lời dẫn trực tiếp

Các nhân vật tự diễn đạt lời nói, suy nghĩ của mình.

### Câu 9.

a. Ông Hai khi chưa đến cửa đã lên tiếng với bác Thứ rằng ông chủ tịch làng Chợ Dầu vừa mới cải chính thông tin lan truyền rằng làng ông bị giặc xâm lược.

b. Tôi đe dọa nó rằng nếu com nhão như thế nào cũng bị đánh đập, và nhắc nhở nó gọi “ba” để được giúp đỡ.

### Câu 10.

1. Minh nói: "Tôi rất thích đọc sách."

⇒ Cách dẫn gián tiếp: Minh nói rằng cậu rất thích đọc sách.

2. Cô giáo hỏi: "Em đã làm xong bài tập chưa?"

⇒ Cách dẫn gián tiếp: Cô giáo hỏi em đã làm xong bài tập chưa.

3. Bà bảo: "Cháu nhớ giữ gìn sức khỏe nhé."

⇒ Cách dẫn gián tiếp: Bà bảo cháu nhớ giữ gìn sức khỏe.

4. Hương thắc mắc: "Tại sao hôm nay trời lại mưa to vậy?"

⇒ Cách dẫn gián tiếp: Hương thắc mắc tại sao hôm nay trời lại mưa to như vậy.

### Câu 11.

1. Em rất thích đọc sách. => Câu đơn (một cụm chủ - vị).

2. Trời mưa to nhưng mọi người vẫn ra ngoài làm việc. => Câu ghép (hai cụm chủ - vị, nối bằng từ "nhưng").

3. Cô ấy chăm chỉ học tập và luôn đạt điểm cao. => Câu ghép (hai cụm chủ - vị, nối bằng "và").

4. Chúng tôi đi dã ngoại, cả nhóm đã chụp rất nhiều ảnh. => Câu ghép (hai cụm chủ - vị, nối bằng dấu phẩy).

5. Con mèo nằm ngủ trên ghế. => Câu đơn (một cụm chủ - vị).

**Câu 12.**

a. Câu đơn: Hôm nay tôi được nghỉ học.

=> Câu ghép: Hôm nay tôi được nghỉ học nên tôi dành thời gian để thư giãn.

b. Câu đơn: Nam rất yêu thể thao.

=> Câu ghép: Nam rất yêu thể thao và cậu ấy thường chơi bóng rổ vào buổi chiều.

**Câu 13.**

a. Câu ghép: Trời nắng đẹp nên tôi đi dạo.

=> Câu đơn: Tôi đi dạo vì trời nắng đẹp.

b. Câu ghép: Lan học rất giỏi nhưng cô ấy vẫn luôn khiêm tốn.

=> Câu đơn: Dù học rất giỏi, Lan vẫn luôn khiêm tốn.

**Câu 14.**

a. nhưng

b. nhưng

c. nên

**Câu 15.**

3 câu đơn	3 câu ghép
1. Tôi dậy sớm vào mỗi buổi sáng. 2. Hôm nay mẹ nấu một bữa ăn rất ngon. 3. Con chó nằm ngủ dưới gốc cây.	1. Tôi thích đọc sách nên tôi thường đến thư viện vào cuối tuần. 2. Trời mưa to nhưng chúng tôi vẫn đến trường đúng giờ. 3. Cả nhà cùng nhau làm vườn, sau đó chúng tôi nghỉ ngơi dưới bóng cây.

**3. Phần làm văn**

**Câu 1.**

**I. Mở bài**

- Giới thiệu sơ lược tác phẩm Sông núi nước Nam và tác giả Lí Thường Kiệt.

**II. Thân bài: nêu cảm nghĩ về tác phẩm Sông núi nước Nam**

1. Cảm nghĩ về câu thứ nhất: “Nam quốc sơn hà Nam đế cư”

- Tác giả khẳng định người Nam phải ở nước Nam.

- Vua Nam thì phải ở nước Nam.

- Đã phân định rõ ràng về chủ quyền và lãnh thổ.

2. Cảm nghĩ về câu thứ hai: “Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư”

- Tác giả khẳng định rằng chủ quyền này đã được định rõ ở sách trời.
- Tác giả thể hiện được chân lí sống, chân lí lẽ thường tình.
- Sự xâm lược của các nước khác là sai lầm.

3. Cảm nghĩ về câu thứ ba: “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm”

- Tác giả giận dữ và có thái độ khinh bỉ đối với kẻ thù.
- Tác giả cho rằng địa phận nước ta tại sao dám xâm lăng.
- Thể hiện sự căm thù giặc sâu sắc của tác giả.

4. Câu cuối cùng: “Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”

- Tác giả cảnh cáo rằng làm trái sách trời sẽ bị quả báo.
- Khẳng định lại một lần nữa chủ quyền của mình.

**III. Kết bài:** nêu cảm nghĩ của em về bài thơ Sông núi nước Nam

**Câu 2.**

**1. Mở bài:** Giới thiệu khái quát về tác phẩm văn học cần phân tích: Khóc Dương Khuê của Nguyễn Khuyến

**2. Thân bài:**

a. Nêu hoàn cảnh sáng tác, chủ đề và nguồn cảm xúc cho tác giả viết nên bài thơ này:

- Hoàn cảnh sáng tác: sau khi người bạn tri kỉ của Nguyễn Khuyến là Dương Khuê qua đời
- Nguồn cảm xúc của tác giả: sự bất ngờ, đau buồn trước sự ra đi của người bạn tri kỉ
- Chủ đề chính của bài thơ: thể hiện tâm trạng đau đớn, xót xa, mất mát vô cùng của Nguyễn Khuyến trước sự ra đi của Dương Khuê

b. Phân tích các yếu tố hình thức và tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung bài thơ (trọng tâm):

- Phần 1: Thể hiện trực tiếp nỗi bàng hoàng, đau xót khôn cùng khi hay tin bạn vừa qua đời:
  - + Sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh “thôi đã thôi rồi” để không nhắc trực tiếp đến sự ra đi của bạn, nhằm giảm bớt sự đau thương
  - + Sử dụng từ ngữ “nước mây” để diễn đạt sự to lớn, mênh mông của nỗi đau mất bạn của tác giả
  - + Sử dụng đại từ xưng hô “tôi” - “bác” để thể hiện sự kính trọng với người đã khuất
- Phần 2: Gợi nhắc lại những kỉ niệm với người bạn thân trong quá khứ, từ khi vừa đỗ đạt, đến lúc cùng vào triều làm quan, cùng dạo chơi khắp chốn, cùng đương đầu với khó khăn, rồi cùng nhau về hưu
  - Sắp xếp theo trình tự thời gian từ lúc còn trẻ đến khi về già như một thước phim ngắn
- Phần 3:
  - + Khắc họa trực tiếp nỗi đau của Nguyễn Khuyến sau khi nghe tin bạn mất: bất ngờ đến hoảng hốt “chân tay rụng rời”
  - + Khắc họa sự lạc lõng đến chua xót khi không còn bạn nữa: cuộc sống trở nên trống vắng, tẻ nhạt, không còn niềm vui nào nữa (không mua rượu, không viết thơ...); sử dụng điển cố “giường treo”, “đàn kia” để nói về những đồ vật vô tri cũng cảm nhận được nỗi buồn mà trở nên耿耿, hững hờ
  - + Cố gắng tự kìm nén nỗi đau, tự an ủi bản thân trước sự ra đi của bạn, dù trong lòng nước mắt chan chứa



**c. Kết bài:**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ
- Nêu cảm nhận, cảm nghĩ của em về bài thơ

**Câu 3.****1. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả Trần Quang Khải (những nét chính về cuộc đời, đặc điểm sáng tác...)
- Giới thiệu về bài thơ “Phò giá về kinh” (hoàn cảnh ra đời, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật...)

**2. Thân bài****a. Hào khí chiến thắng của quân dân ta**

- Hai câu đầu nói về chiến thắng của quân và dân ta, trong đó có sự đóng góp to lớn của người chỉ huy chính là tác giả.
- Động từ “đoạt, cầm” kết hợp với các địa danh “Chương Dương”, “Hò Hàm Tử” góp phần làm nổi bật sự hào hùng và không khí chiến thắng ở Chương Dương và Hàm Tử.
- Đây đều là những trận chiến gây được tiếng vang lớn.

=> Không chỉ ca ngợi chiến công của quân dân ta mà còn thể hiện lòng tự hào dân tộc.

**b. Khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta**

- Câu thơ 3: Thái bình tu trí lực (Thái bình nên gắng sức). Sau khi đánh bại quân thù, đất nước giành được độc lập bước vào thời bình, cần phải xây dựng và phát triển đất nước.
- Câu thứ 4: Vạn cổ thử giang sang (Non nước ấy ngàn thu). Khẳng định sự tồn vong bất diệt của đất nước đến muôn đời.

=> Đây không chỉ là mong muốn của riêng tác giả mà còn là mong muốn của cả một quốc gia, dân tộc.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Phò giá về kinh.
- Cảm nhận về bài thơ Phò giá về kinh của Trần Quang Khải.

**Câu 4.****I. Mở bài**

- Giới thiệu về đoạn trích tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều và đoạn trích “Cảnh ngày xuân”.
- Nêu khái quát cảm nhận của em về đoạn trích Cảnh ngày xuân.

**II. Thân bài****1. Khung cảnh thiên nhiên mùa xuân**

- Thời gian: “ngày xuân”, “chín chục đã ngoài sáu mươi” - Ý chỉ thời gian trôi qua thật nhanh, đã bước sang tháng thứ ba.
- Không gian: “thiều quang” - ánh sáng đẹp đẽ của mùa xuân bao trùm không gian.
- Bức tranh thiên nhiên điểm một vài nét nổi bật:

- + “Cỏ non xanh tận chân trời”: không gian bao la tràn ngập sự sống của mùa xuân.
  - + “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”: đảo ngữ nhấn mạnh hình ảnh những bông hoa lê với sắc trắng đặc trưng cho mùa xuân.
  - + Động từ “điểm” gợi ra hình ảnh bàn tay người họa sĩ đang vẽ nên những bông hoa lê để tô điểm cho cảnh mùa xuân tươi, khiến cảnh vật trở nên sống động có hồn.
- => Chỉ vài nét chấm phá, tác giả đã gợi tả bức tranh thiên nhiên đầy sinh động.

## 2. Khung cảnh lễ hội trong tết Thanh minh

- Khung cảnh tết Thanh minh diễn ra với hai phần:
    - + lễ Tảo mộ (dọn dẹp, sửa sang phần mộ của người đã mất)
    - + hội Đạp thanh (ý chí hành động du xuân).
  - Không khí lễ hội được diễn tả qua một loạt các từ ngữ:
    - + Các từ “nô nức”, “gần xa” và “ngôn ngang” bộc lộ tâm trạng của người đi hội.
    - + Hình ảnh “ngựa xe như nước, áo quần như nêm” gợi sự đông đúc của những người đi hội.
- => Khung cảnh lễ hội mang đậm truyền thống văn hóa của dân tộc.

## 3. Khung cảnh chị em Thúy Kiều khi ra về

- Thời gian: “Tà tà bóng ngả về tây” - thời điểm kết thúc của một ngày.
- Hình ảnh chị em Thúy Kiều: “thơ thân dan tay ra về” - lễ hội kết thúc cũng là lúc con người phải trở về với sinh hoạt hằng ngày.
- Hai câu cuối: khắc họa cảnh vật trên đường trở về, qua đó bộc lộ tâm trạng nuối tiếc của con người.

## III. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của đoạn trích Cảnh ngày xuân.
- Nêu cảm nhận về đoạn trích trên.

### Câu 5.

#### 1. Mở bài

Giới thiệu tác phẩm và đoạn trích

#### 2. Thân bài

##### a) Tình huống gặp gỡ - Lục Vân Tiên đánh cướp:

- Chủ tớ Kiều Nguyệt Nga trên đường bị cướp chặn xe, Lục Vân Tiên tình cờ đi ngang qua, thấy vậy liền ra tay cứu giúp.
- Cảnh đánh cướp thể hiện tài năng võ thuật, sự mưu trí, khỏe khoắn của Lục Vân Tiên
- Kết quả của trận đánh: kẻ cướp thua tan tác, bỏ cả gươm giáo, thủ lĩnh Phong Lai bị Vân Tiên tiêu diệt.

##### b) Cảnh Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga:

- Tính cách, phẩm chất của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga thể hiện qua màn đối đáp trả ơn.

- Khi thấy tiếng than khóc trong xe ngựa, Vân Tiên hỏi chuyện "động lòng" trước cảnh hai cô gái gặp nguy, khẳng định đã trừ hết kẻ gian.
- Khi biết người cứu mình là một trang nam tử hán, Kiều Nguyệt Nga đã kể rõ sự tình,
- Khi nhận được ngỏ ý tạ ơn của Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên liền từ chối: " Làm ơn há dễ trông người trả ơn/ Nhớ câu kiến ngãi bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng".

### 3. Kết bài

- Kết luận về nội dung
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật xuất sắc, ngôn ngữ giàu tính triết lí

## Câu 6.

### 1. Mở bài:

- Giới thiệu về tác phẩm và đoạn trích:
- + Tác phẩm “Truyện Kiều” là một tuyệt phẩm của tác giả Nguyễn Du. Ông đã đóng góp cho nền thi ca Việt Nam cổ đại một tác phẩm tuyệt vời có sức sáng tạo, vang xa tới nhiều thế hệ sau.
- + Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một đoạn trích hay nó đã lột tả được tâm trạng của Thúy Kiều.

### 2. Thân bài:

- Giới thiệu qua về hoàn cảnh của Thúy Kiều vì đâu mà nàng lại có mặt tại lầu Ngưng Bích này.
- Sau khi gia đình lâm biến và bị Mã Giám Sinh dùng mưu hèn kế bẩn, gạt gẫm lừa tình rồi bị bán vào thanh lâu, Thúy Kiều đã định tự kết liễu đời mình, nhưng kế hoạch của nàng không thành công.
- Đây là tâm trạng của Kiều những ngày đầu ở lầu Ngưng Bích, một tâm trạng sống không bằng chết, cô đơn chán nản cuộc đời và mất lòng tin ở con người.

“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân  
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung  
Bốn bề bát ngát xa trông  
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”

- Phân tích hai từ “khóa xuân” hai từ này đã gợi lên trong lòng người đọc rất nhiều cảm xúc chua chát.
- Không gian càng mênh mông tăm tối, mịt mù càng làm cho tâm trạng Thúy Kiều trở nên thê lương bi đát hơn bao giờ hết. Một cuộc sống bị giam cầm tù đày cả về tâm hồn, lẫn thể xác.

“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya  
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”

- Hai từ “bẽ bàng” đã lột tả được mọi sự ê chề, đau đớn của Thúy Kiều, khi cô vừa bị Mã Giám Sinh lừa tình, rồi lại còn bị bán vào lầu xanh.
- “Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng” con người và cảnh vật đã thật sự hòa nhập vào làm một. Cảnh vật cũng như người đều mang cảnh u sầu, trống trải, cô đơn khác khoải...
- Trong những câu thơ tiếp theo tác giả đưa nhịp bài thơ nhanh hơn, chuyển hướng tâm trạng của Thúy Kiều hồi tưởng lại những ngày xưa bình yên hạnh phúc.

“Trông người dưới nguyệt chên đồng  
Tin sương luống những rày trông mai chờ

*Bên trời góc bể bơ vơ  
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

- Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều khi nhớ về Kim Trọng mối tình đầu của nàng trong sự ê chề, bẽ bàng, tủi nhục này người nàng nhớ về đầu tiên chính là chàng Kim Trọng, nhớ người đã thề hẹn ước nguyện với nàng.

*“Xót người tựa cửa hôm mai  
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ”*

- Tâm trạng của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng nghĩ về những người sinh thành ra mình, cảm thấy xót xa.

- Tâm trạng của Thúy Kiều lại trở về với thực tại của đời mình, trở về với nỗi đau hiện thực:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu  
Buồn trông ngọn cỏ dầu dầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

- Điệp từ “buồn trông” được nhắc đi nhắc lại trong khổ thơ. Nó như tâm trạng của Kiều lúc này, đúng là “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Câu thơ nói lên sự lênh đênh trên chặng đường đời nhiều sóng gió trước mặt Kiều. Nó nói lên sự phong ba, gập ghềnh mà Kiều sẽ phải đi qua:

*“Buồn trông sóng cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

### 3. Kết bài:

+ Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một bức tranh được vẽ lên với những màu sắc xám lạnh, gợi tả tâm trạng vô cùng sống động, nhưng nó cũng nhiều thể lương ai oán.

+ Phân tích bút pháp nghệ thuật “tả cảnh ngụ tình” của Nguyễn Du. Cảnh và người trong đoạn trích như hòa vào làm một.

## Câu 7.

### 1. Mở bài

- Đất nước ta có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng.

- Chùa Hương là một trong những danh lam thắng cảnh đó.

- Phong cảnh chung của chùa Hương đã để lại trong lòng khách du lịch thập phương những ấn tượng khó quên.

- Chùa Hương có đặc điểm riêng mà những danh lam thắng cảnh khác không có.

### 2. Thân bài

a. Giới thiệu những nét chung về chùa Hương

- Chùa Hương là cách gọi trong dân gian. Trên thực tế chùa Hương hay Hương Sơn là cả một quần thể văn hóa - tôn giáo Việt Nam, gồm hàng chục ngôi chùa thờ Phật, vài ngôi đền thờ thần, một số ngôi đền thờ tín ngưỡng nông nghiệp.

- Trung tâm chùa Hương nằm ở xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Trung tâm của cụm đền, chùa tại vùng này chính là chùa Hương nằm trong động Hương Tích hay còn gọi là chùa Trong.

### b. Đặc điểm nổi bật của chùa Hương

- Quần thể chùa Hương là sự kết hợp hài hòa, tuyệt vời giữa kì công thiên nhiên với sự tạo dựng bởi bàn tay tài hoa của con người.
- Ở đây có sông suối, núi non, ruộng đồng. Tất cả tạo nên bức tranh thiên nhiên đa dạng, phong phú sắc màu, đẹp như một bức tranh sơn thủy.
- Quần thể chùa Hương có nhiều công trình nằm rải rác. Để vào được khu trung tâm, ta lên đò ở bến Đục. Dọc theo con suối Yên khoảng mấy km, ta xuống đò ở bến Trờ. Từ đó, ta đi bộ, đi cáp treo lên động Hương Tích.
- Khu vực chính của chùa Ngoài còn gọi là chùa Trờ (còn có tên khác là chùa Thiên Trờ). Tam quan của chùa được cất lên ba khoảng sân rộng lát gạch. Sân thứ ba dựng tháp chuông với ba tầng mái.
- Chùa chính, tức chùa Trong không phải là một công trình nhân tạo mà là một động đá thiên nhiên. Ở lối xuống hang có cổng lớn. Trên cổng có ghi: "Hương Tích động môn". Qua cổng là con dốc dài, lối đi xây thành 120 bậc lát đá. Vách động có 5 chữ "Nam thiên đệ nhất động" (Động đẹp nhất trời Nam). Đó là bút tích của chúa Trịnh Sâm khi đến thăm Hương Sơn.
- Trong động có pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Xung quanh là những nhũ đá lớn được gọi là cây vàng, cây bạc, buồng tắm, nong kén, núi cô, núi cậu... Đặc biệt, trên vòm động có hình 9 con rồng.

### c. Giới thiệu về lễ hội chùa Hương

- Ngày 6 tháng giêng là ngày khai hội chùa Hương. Lễ hội kéo dài đến hết tháng 3 âm lịch.
- Chùa Hương đã trở thành một địa chỉ quen thuộc trong tâm linh của du khách trong nước và quốc tế.
- Mùa xuân, khi đất trời giao hòa, thiên nhiên tươi tốt cũng là lúc du khách từ khắp nơi tung bưng trẩy hội.
- Chùa Hương là một danh thắng nổi tiếng không chỉ bởi cảnh đẹp mà nó còn là một nét đẹp văn hóa tín ngưỡng đạo Phật của người dân Việt Nam.
- Chùa Hương là một tập hợp nhiều đền chùa hang động gắn liền với núi rừng, sông suối,... và trở thành một quần thể thắng cảnh rộng lớn, với một kiến trúc hài hòa giữa thiên nhiên và nhân tạo. Có lẽ vì vậy mà du khách thập phương đã nô nức về đây với mong muốn được thấp một nén tâm hương.

### 3. Kết bài

- Chùa Hương là một danh lam thắng cảnh, một di tích lịch sử văn hóa, tín ngưỡng nổi tiếng của Hà Nội nói riêng và của Việt Nam nói chung.
- Những ai chưa một lần đến chùa Hương hãy về đây để được thưởng ngoạn vẻ đẹp quyến rũ của quần thể Hương Sơn này.

### Câu 8.

#### 1. Mở bài:

Giới thiệu chung về lăng Bác.

#### 2. Thân bài:

##### a. Nguồn gốc của lăng:

- Lăng Bác được khởi công xây dựng vào ngày 2 tháng 9 năm 1973
- Lăng Bác được xây dựng tại quảng trường Ba Đình, nơi Bác đã đưa ra các quyết định và tuyên ngôn.

- Lăng được khánh thành vào ngày 29 tháng 8 năm 1975

#### **b. Kết cấu của lăng:**

- Lăng có chiều cao 21,6m
- Lăng được cấu tạo 3 lớp:
  - + Lớp dưới tạo dáng bậc thềm tam cấp
  - + Lớp giữa là kết cấu trung tâm của lăng gồm phòng thi hài
  - + Lớp trên cùng là mái lăng hình tam cấp
- Quanh bóng mặt là những hàng cột vuông bằng đá hoa cương

#### **c. Miêu tả khái quát lăng Bác:**

- Trên đỉnh lăng là hàng chữ "Chủ tịch Hồ Chí Minh", dòng chữ này được làm từ đá ngọc màu đỏ thẫm được lấy từ tỉnh Cao Bằng
- Tiền sảnh ốp đá hoa cương vân đỏ hồng, làm nền cho dòng chữ "Không có gì quý hơn Độc lập Tự do" và chữ ký của Hồ Chí Minh được dát bằng vàng.
- 200 bộ cửa trong Lăng được làm từ các loại gỗ quý do nhân dân và bộ đội miền Trung gửi ra, và do các nghệ nhân nghề mộc của Nam Hà, Hà Bắc, và Nghệ An thực hiện
- Hai bên cửa chính là hai cây hoa đại.
- Quanh lăng có 79 cây vạn tuế tượng trưng cho 79 năm trong cuộc đời của Hồ Chủ tịch.
- Hai bên phía nam và bắc của lăng là hai rặng tre, loại cây biểu tượng cho nước Việt Nam.
- Trước cửa lăng luôn có hai người lính đứng gác, 1 giờ đổi gác một lần.

#### **d. Thời gian mở cửa:**

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh mở cửa 5 ngày một tuần, vào các buổi sáng thứ Ba, thứ Tư, thứ Năm, thứ Bảy và Chủ nhật.
- Hàng năm Lăng đóng cửa để làm nhiệm vụ tu bổ định kỳ vào 2 tháng: tháng 10 và tháng 11.

### **3. Kết bài:**

Khẳng định tình cảm và ý thức giữ gìn lăng Bác.

#### **Câu 9.**

##### **1. Mở bài**

- Văn Miếu - Quốc Tử Giám là quần thể di tích đa dạng và phong phú hàng đầu của thành phố Hà Nội.
- Văn Miếu - Quốc Tử Giám là nơi tham quan của du khách trong và ngoài nước đồng thời cũng là nơi khen tặng học sinh xuất sắc và nơi tổ chức hội thơ hằng năm vào ngày rằm tháng giêng.

##### **2. Thân bài**

###### **a. Nguồn gốc, xuất xứ**

- Văn Miếu được xây dựng từ năm (1070) tức năm Thân Vũ thứ hai đời Lý Thánh Tông.
- Năm 1076. Lý Nhân Tông cho lập trường Quốc Tử Giám ở bên cạnh Văn Miếu có thể coi đây là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam.

- Năm 1253, vua Trần Thái Tông đổi Quốc Tử Giám thành Quốc Học Viện cho mở rộng và thu nhận cả con cái các nhà thường dân có sức học xuất sắc. Chức năng trường Quốc học ngày càng nổi bật hơn chức năng của một nơi tế lễ..
- Đời Trần Minh Tông, Chu Văn An được cử làm quan Quốc Tử giám Tư nghiệp (hiệu trưởng) và thầy dạy trực tiếp của các hoàng tử. Năm 1370 ông mất được vua Trần Nghệ Tông cho thờ ở Văn Miếu bên cạnh Khổng Tử.
- Sang thời Hậu Lê, Nho giáo rất thịnh hành.
- Vào năm 1484, Lê Thánh Tông cho dựng bia tiến sĩ của những người thi đỗ tiến sĩ từ khoa thi 1442 trở đi (chủ trương đã đề ra năm 1442 nhưng chưa thực hiện được). Mỗi khoa, một tấm bia đặt trên lưng rùa. Tới năm đó, nhà Lê đã tổ chức được 12 khoa thi cao cấp) Lê Thánh Tông (1460 - 1497) đã tổ chức đều đặn cứ ba năm một lần, đúng 12 khoa thi).
- Năm 1762, Lê Hiển Tông cho sửa lại là Quốc Tử Giám - cơ sở đào tạo giáo dục cao cấp của triều đình.
- Đời nhà Nguyễn, Quốc Tử Giám lập tại Huế.
- Năm 1802, vua Gia Long ấn định đây là Văn Miếu - Hà Nội và cho xây dựng Khuê Văn Các, với một chức năng duy nhất là nơi thờ tự Thánh hiền. Trường Giám cũ ở phía sau Văn Miếu lấy làm nhà Khải thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử.
- Đầu năm 1947, giặc Pháp nã đạn đại bác làm đổ sập căn nhà, chỉ còn cái nền với hai cột đá và 4 ngiên đá. Ngày nay, ngôi nhà này đã được phục dựng theo kiến trúc cùng thời với quần thể các công trình còn lại.

## **b. Kết cấu**

- Nhà Thái học có ba gian, có tường nang, lợp bằng ngói đồng.
- Nhà giảng dạy ở phía đông và tây hai dãy đều 14 gian.
- Phòng học của học sinh tam xá đều ba dãy, mỗi dãy 25 gian, mỗi gian 2 người.
- Khuôn viên được bao bọc bởi bốn bức tường xây bằng gạch Bát Tràng.
- Quần thể kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám được bố cục đăng đối từng Khu, từng lớp theo trục Bắc Nam, mô phỏng tổng thể quy hoạch khu Văn Miếu thờ Khổng Tử ở quê hương ông tại Khúc Phụ, Sơn Đông, Trung Quốc.
- Phía trước Văn Miếu có một hồ lớn gọi là hồ Văn Chương, tên cũ xưa gọi là Thái Hồ. Giữa hồ có gò Kim Châu, trước đây có lầu để ngắm cảnh.
- Ngoài cổng chính có tứ trụ, hai bên tả hữu có bia “Hạ Mã”, xung quanh khu vực xây tường cao bao quanh.
- Cổng Văn Miếu xây kiểu Tam quan, trên có 3 chữ “Văn Miếu Môn” kiểu chữ Hán cổ xưa.
- Trong Văn miếu chia làm 5 khu vực rõ rệt, mỗi khu vực đều có tường ngăn cách và công đi lại liên hệ với nhau:
  - + Khu thứ nhất: bắt đầu với cổng chính Văn Miếu Môn đi đến cổng Đại Trung Môn, hai bên có cửa nhỏ là Thành Đức Môn và Đạt Tài Môn.
  - + Khu thứ hai: từ Đại Trung Môn vào đến Khuê Văn Các (do Đức Tiên Quân Tổng trấn Bắc Thành Nguyễn Văn Thành cho xây năm 1805).
  - + Khu thứ ba: gồm hồ nước Thiên Quang Tỉnh (nghĩa là giếng soi ánh mặt trời).
  - + Khu thứ tư: là khu trung tâm và là kiến trúc chủ yếu của Văn Miếu, gồm hai công trình lớn bố cục song song và nối tiếp nhau. Toà ngoài nhà là Bái đường, toà trong là Thượng cung.

+ Khu thứ năm: là khu Thái Học, trước kia đã có một thời kỳ đây là khu đền Khải thánh, thờ bố mẹ Khổng Tử, nhưng đã bị phá huỷ. Khu nhà Thái Học mới được xây dựng lại năm 2000.

- Trong Văn Miếu có tượng Khổng Tử và Tứ Phối (Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử).

- Ở điện thờ Khổng Tử có hai cặp hạc cưỡi trên lưng rùa.

- Hình ảnh hạc chầu trên lưng rùa biểu hiện của sự hài hoà giữa trời và đất. giữa hai thái cực âm - dương.

### c. Ý nghĩa

- Là hình ảnh tiêu biểu của Hà Nội.

- Là nơi tượng trưng cho truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam.

### 3. Kết bài

- Vào tháng 3/2010, 82 tấm bia Tiến sĩ triều Lê - Mạc tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám đã được tổ chức UNESCO công nhận là Di sản tư liệu thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

- Đến ngày 27/7/2011, 82 bia Tiến sĩ lại tiếp tục được công nhận là Di sản tư liệu thế giới trên phạm vi toàn cầu.

- Di tích làm rạng rỡ văn hóa, lịch sử sâu rộng của dân tộc Việt Nam; tôn vinh nền văn hóa, nền giáo dục, truyền thống hiếu học, hiếu nghĩa, tôn sư trọng đạo, quý đức, quý tài của dân tộc Việt Nam.

### Câu 10.

#### 1. Mở bài

Giới thiệu về nhà văn Kim Lân, truyện ngắn Làng.

#### 2. Thân bài

##### a. Cuộc sống của ông Hai ở nơi tản cư

- Ông Hai luôn đau đáu nhớ về quê hương, nghĩ đến những ngày tháng làm việc cùng với anh em.

- Khoe về làng mình: giàu và đẹp, lát đá xanh, có nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh, phong trào cách mạng diễn ra sôi nổi, chòi phát thanh cao bằng ngọn tre.

- Đến phòng thông tin: đọc báo, nghe tin tức về cuộc kháng chiến.

- Khi nghe đến tin về chiến thắng của ta, “ruột gan ông lão cứ múa vui cả lên”.

=> Tình cảm sâu đậm của ông Hai dành cho quê hương, đất nước và đặc biệt là làng của ông.

##### b. Diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc

\* Khi vừa mới nghe tin làng chợ Dầu theo giặc:

- Ông sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”.

- Tin tức làng chợ Dầu theo giặc như một tiếng sét giáng xuống đầu ông, nhưng khi trấn tĩnh lại liền tỏ ra nghi ngờ, không tin: “Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi: Liệu có thật không hở bác?...”

- Những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin.



- Từ đấy, trong tâm trí của ông chỉ nghĩ về cái tin dữ ấy. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “cúi gằm mặt mà đi”.

\* Khi về đến nhà

- Ông Hai nằm vật ra giường, nhìn lũ con lại thấy tủi thân, nước mắt cứ giàn ra. Bao nhiêu niềm tự hào về làng đều sụp đổ.

- Ông tự hỏi và buồn thay cho số phận những đứa con của mình: “Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rêu rúng, hắt hủi đấy ư?”

- Ông nắm chặt tay, rít lên: “Chúng bay ... mà nhục nhã thế này?”.

=> Ông hai cảm thấy chính bản thân đang mang nỗi nhục của một tên bán nước, cả các con ông rồi cũng sẽ phải mang nỗi nhục ấy.

\* Những ngày sau đó:

- Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu.

- Ông chỉ quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài: “Một đám đông tùm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”.

- Thoáng nghe những tiếng “Tây, Việt gian, cam - nhông... là ông lùi ra một nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Khi nghĩ đến tương lai, ông rơi vào bế tắc, không biết phải đi đâu về đâu: Về làng thì không được, vì về làng lúc này là đồng nghĩa với theo Tây, phản bội kháng chiến. Ở lại thì không xong, vì mẹ chủ nhà đã đánh tiếng xua đuổi. Còn đi thì biết đi đâu bởi ai người ta chưa chấp dân làng Chợ Dầu phản bội.

=> Điều này buộc ông phải lựa chọn giữa tình yêu làng và yêu nước.

- Ông hai đã trò chuyện với đứa con trai út, để rồi đưa ra quyết định: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.

=> Tình yêu nước mãnh liệt của người Việt Nam, họ sẵn sàng vượt lên trên tình cảm cá nhân để hướng đến tình cảm chung của cộng đồng.

### **c. Niềm vui sướng của ông khi nghe tin cải chính**

Thái độ hoàn toàn thay đổi:

- “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”

- “Mòm bòm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy”...

- Về đến nhà thì chia quà cho lũ con rồi sang nhà bác Thứ để đính chính lại cái tin làng chợ Dầu theo giặc.

- “bô bô” khoe với mọi người về cái tin làng ông bị “đốt nhẵn”, nhà ông bị “đốt nhẵn”

=> Niềm vui mừng của ông Hai khi nghe tin cải chính về làng chợ Dầu đã vượt lên trên sự mất mát về của cải khi làng bị giặc đốt sạch. Từ đó, nhà văn Kim Lân đã cho thấy tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc của người nông dân.

### **3. Kết bài**

Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ngắn Làng.

#### **Câu 11.**

## 1. Mở bài

- Đề cập đến sức mạnh giúp con người có thể vượt qua những khốc liệt của chiến tranh: Tình đồng chí, đồng đội, tình cảm cộng đồng, tình cảm cha con
- Truyện ngắn Chiếc lược ngà, một tác phẩm ra đời năm 1966 của Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa thành công tình cảm cha con bất diệt của ông Sáu và bé Thu trước hoàn cảnh chiến tranh

## 2. Thân bài

### a. Ông Sáu và bé Thu phải sống trong hoàn cảnh chia li bởi chiến tranh

- Ông Sáu là một chiến sĩ hoạt động trên chiến trường, suốt 8 năm ròng ông chưa từng được gặp mặt đứa con gái của mình
  - Đồng nghĩa suốt 8 năm bé Thu chỉ biết cha qua tấm ảnh chụp chung với mẹ nó
- ⇒ Chiến tranh đẩy con người vào hoàn cảnh xa cách

### b. Tình cảm cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu

#### \* Lúc còn ở rừng

- Ông Sáu nhớ thương con vô cùng, khao khát gặp con, được sống trong tình yêu thương của con
- Khi gặp con:

- + Thuyền chưa cập bến đã nhảy vội lên bờ gọi con
- + Đáp lại bé Thu ngạc nhiên, sợ hãi, vụt bỏ chạy

#### \* Trong ba ngày nghỉ phép

- Ông Sáu khao khát tình cảm của con bao nhiêu thì bé Thu lại hoàn toàn lạnh lùng trước mọi tình cảm của cha
  - + Ông càng xích lại gần, bé Thu càng lùi xa
  - + Ông càng chiều bé Thu bao nhiêu, bé Thu càng lẩn tránh
  - + Ông càng mong nghe được tiếng ba, bé Thu càng cố tình trốn tránh
  - + Ngay cả khi bé Thu bị lâm vào thế bí “nồi cơm sôi sùng sục nó cũng không chịu cất lên cái tiếng mà ba nó mong đợi
  - + Trong bữa cơm, hành động hắt cái trứng cá của bé Thu là hành động đỉnh điểm nhất khiến ông Sáu thực sự đau lòng
- ⇒ Ông Sáu nhận ra tình cảm không dễ gì gượng ép, vì vậy ông cam chịu
- Bé Thu cũng là một người thương yêu ba của mình vô cùng
  - + Tất cả những thái độ ương ngạnh ngang bướng của bé Thu đối với ông Sáu lại là biểu hiện tuyệt vời của tình phụ tử bởi Thu chỉ có duy nhất một người cha là người trong bức ảnh chụp với má nó
  - + Khi Thu được bà ngoại giảng giải người có vết sẹo chính là ba em ⇒ Tình yêu thương dành cho ông Sáu tăng lên gấp bội
  - + Trong khoảnh khắc cuối cùng trước lúc ông Sáu lên đường, Thu chạy ra ôm hôn cha
  - + Hành động cùng giọt nước mắt ân hận của bé Thu chảy đầm đìa trên má, trên cằm khiến ông không kìm nén được xúc động

⇒ Tình cảm giữa hai cha con ông Sáu và bé Thu là vô cùng sâu nặng

### \* Lại những ngày ông Sáu xa con

- Ông Sáu thương nhớ con, ân hận vì mình đã đánh con.

- Tình yêu thương con đã khiến ông tự tay làm chiếc lược ngà thực hiện lời hứa với con

- Khi bị thương nặng ông đã dồn tất cả tàn lực của mình trao chiếc lược ngà cho ông Ba như một lời chửi chối cuối cùng

⇒ Tình cảm cha con trong lòng ông Sáu là một tình cảm bất diệt, chiến tranh có thể hủy diệt thân xác ông nhưng không thể hủy diệt tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu kết tinh trong chiếc lược ngà.

### 3. Kết bài

- Vài nét về giá trị nghệ thuật tác phẩm: Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện độc đáo, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc...

- Qua truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng thể hiện được sâu sắc tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, đó là sự khẳng định ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân văn sâu sắc. Tình cảm ấy là cội nguồn, sức mạnh vượt lên sự hủy diệt tàn bạo của chiến tranh.

### Câu 12.

#### 1. Mở bài

- Giới thiệu sơ lược tác giả, tác phẩm và thông điệp của tác phẩm.

#### 2. Thân bài

##### a. Khái quát chung

- Giới thiệu các nhân vật: Giôn-xi, Xiu và cụ Bơ-men là những họa sĩ nghèo, thuê trọ ở một khu phố tồi tàn phía tây công viên Oa-sinh-ton.

- Tóm tắt tình huống:

+ Giôn-xi ốm nặng và nằm đợi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân bên cửa sổ rụng, khi đó cô sẽ chết.

+ Nhưng qua một buổi sáng và một đêm mưa gió phũ phàng, chiếc lá vẫn không rụng. Điều đó làm Giôn-xi thoát khỏi ý nghĩ về cái chết.

+ Xiu đã cho Giôn-xi biết chiếc lá đó chính là bức tranh họa sĩ già Bơ-men đã vẽ trong đêm mưa gió để cứu cô và chính cụ đã chết vì sưng phổi.

##### b. Phân tích

#### \* Nội dung:

- Khung cảnh mùa đông và tình cảnh tuyệt vọng của Giôn-xi:

+ Nỗi sợ hãi ám ảnh tâm trạng của Xiu và cụ Bơ-men trong đêm mưa gió.

+ Niềm tin kì quặc của Giôn-xi khi phó thác cuộc đời cho chiếc lá thường xuân.

- Tình huống đảo ngược thứ nhất:

+ Tâm trạng đau khổ của Xiu khi mở cửa cho Giôn-xi. Sự bất ngờ ngoài dự kiến: chiếc lá vẫn ở đó.

+ Tâm trạng chờ đợi héo hắt của Giôn-xi: tuyệt vọng, thiếu niềm tin vào cuộc sống.

+ Chiếc lá vẫn ở trên tường: thức tỉnh ý chí sống của Giôn-xi, giúp cô tự tin vượt qua bệnh tật. Thiên nhiên thua chiếc lá, bệnh tật thua ý chí con người.

- Tình huống đảo ngược thứ hai:

+ Tâm trạng Xiu: từ hồi hộp lo lắng đến khi hiểu rõ sự thật là sự hòa trộn tình yêu thương, cảm phục trước tấm lòng cao cả của cụ Bơ-men.

+ Sự hi sinh cao cả đã đem đến nguồn sống cho đồng loại. Nghệ thuật cao cả có thể thức tỉnh lòng tin ở con người.

#### \* Nghệ thuật:

- Kể xen tả và biểu cảm.

- Đảo ngược tình huống 2 lần -> Kết thúc độc đáo, bất ngờ.

- Xây dựng tình huống hấp dẫn, sắp xếp chặt chẽ và khéo léo, gây hứng thú cho người đọc.

#### c. Nhận xét:

- Ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa những người nghèo khổ.

- Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.

### 3. Kết bài

- Đánh giá, nhìn nhận lại vấn đề.

- Liên tưởng và suy nghĩ về bản thân.

### Câu 13.

#### 1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về tầm quan trọng của thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.

- Dẫn dắt đến câu nói “Thiên nhiên không chỉ là nơi chúng ta sống, mà còn là nguồn cảm hứng vô tận cho tâm hồn con người”.

- Nêu luận điểm về mối liên hệ giữa con người và thiên nhiên, thiên nhiên không chỉ nuôi dưỡng mà còn làm phong phú tâm hồn.

#### 2. Thân bài

a. Thiên nhiên là môi trường sống và là nguồn cung cấp tài nguyên

- Thiên nhiên cung cấp những điều kiện cần thiết như không khí, nước, đất đai, thực phẩm... cho sự sống và phát triển của con người.

- Vai trò của thiên nhiên trong duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ sức khỏe con người.

b. Thiên nhiên là nguồn cảm hứng cho nghệ thuật và đời sống tinh thần

- Thiên nhiên tạo nên vẻ đẹp kỳ diệu, đa dạng, là nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm nghệ thuật như hội họa, thơ ca, nhạc, văn chương.

- Những cảnh đẹp thiên nhiên như hoàng hôn, cánh rừng, bãi biển yên bình đều có thể làm dịu đi nỗi buồn, mang lại niềm vui và khơi dậy lòng yêu đời.

c. Thiên nhiên nuôi dưỡng tâm hồn con người

- Thiên nhiên giúp con người tìm thấy sự bình yên, gắn kết và trở nên hài hòa với cuộc sống.
- Những trải nghiệm hòa mình vào thiên nhiên giúp ta hiểu hơn về giá trị cuộc sống, phát triển cảm xúc tích cực, tăng cường lòng biết ơn.

#### **d. Tầm quan trọng của việc bảo vệ thiên nhiên**

- Con người cần phải nhận thức được vai trò của thiên nhiên và có trách nhiệm trong việc bảo vệ, giữ gìn thiên nhiên để bảo vệ chính nguồn cảm hứng của mình.
- Nêu các biện pháp cụ thể để bảo vệ thiên nhiên như trồng cây xanh, giảm thiểu rác thải, bảo tồn động thực vật...

### **3. Kết bài**

- Khẳng định lại tầm quan trọng của thiên nhiên với cuộc sống và tâm hồn con người.
- Liên hệ bản thân

### **Câu 14.**

#### **1. Mở bài**

- Khái quát thực trạng thiên nhiên đang bị tàn phá nghiêm trọng qua các hiện tượng như ô nhiễm môi trường, phá rừng, biến đổi khí hậu...
- Nêu vấn đề cần nghị luận: trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ môi trường sống của mình.

#### **2. Thân bài**

##### **a. Thực trạng tàn phá môi trường hiện nay**

- Ô nhiễm không khí, nước, đất đai ngày càng nghiêm trọng do hoạt động công nghiệp, giao thông, chất thải sinh hoạt...
- Rừng bị chặt phá để mở rộng diện tích trồng trọt, khai thác khoáng sản, xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng khắc nghiệt hơn như bão, lũ lụt, hạn hán do con người tác động tiêu cực đến tự nhiên.

##### **b. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng tàn phá môi trường**

- Lối sống tiêu thụ quá mức và thiếu ý thức của con người đối với tài nguyên thiên nhiên.
- Phát triển kinh tế không bền vững, chạy theo lợi nhuận mà quên đi những hệ lụy về môi trường.
- Sự thiếu kiểm soát và quản lý trong khai thác tài nguyên, sản xuất, xả thải.

##### **c. Trách nhiệm của con người trong việc bảo vệ môi trường**

- Trách nhiệm cá nhân: Mỗi người cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, từ những việc nhỏ như giảm sử dụng túi ni-lông, tái chế, tiết kiệm năng lượng.
- Trách nhiệm cộng đồng: Cùng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, hưởng ứng các phong trào trồng cây xanh, vệ sinh môi trường.
- Trách nhiệm của nhà nước và các tổ chức: Ban hành luật bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các hành vi gây hại đến môi trường, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng.
- Trách nhiệm của doanh nghiệp: Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, đầu tư vào công nghệ sạch, giảm thiểu khí thải và rác thải độc hại.

- d. Tác động tích cực của việc bảo vệ môi trường đối với cuộc sống
- Môi trường trong lành giúp con người có sức khỏe tốt, cuộc sống bền vững.
  - Giảm thiểu thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái.
  - Đảm bảo nguồn tài nguyên cho các thế hệ sau.

### 3. Kết bài

- Khẳng định lại tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống của con người và mọi sinh vật.
- Liên hệ bản thân

## Câu 15.

### 1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề: tình trạng thiếu động lực học tập ở học sinh và những cách để khơi dậy niềm đam mê học hỏi.
- Nêu tầm quan trọng của động lực học tập đối với quá trình học hỏi và phát triển cá nhân.

### 2. Thân bài

#### a. Thực trạng

- Nhiều học sinh cảm thấy học tập là áp lực, chán nản và thiếu hứng thú với việc học.
- Biểu hiện: không tập trung học, hay bỏ giờ, không làm bài tập, thành tích sa sút.

#### b. Nguyên nhân

- Áp lực học tập quá lớn: Khối lượng bài vở nặng nề, kỳ vọng cao từ gia đình, thầy cô.
- Phương pháp học chưa hiệu quả: thường học theo lối học thuộc lòng, không hiểu sâu dẫn đến chán nản.
- Thiếu mục tiêu, định hướng rõ ràng: Nhiều học sinh chưa xác định được ý nghĩa của việc học, không có mục tiêu rõ ràng.
- Ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài: Mạng xã hội, trò chơi điện tử, các hoạt động giải trí dễ làm xao nhãng.
- Thiếu sự khuyến khích, động viên: Gia đình, nhà trường đôi khi chỉ tập trung vào điểm số mà thiếu quan tâm đến tâm lý và nhu cầu của học sinh.

#### c. Giải pháp để khơi dậy niềm đam mê học hỏi và tăng động lực học tập

- Xác định mục tiêu học tập rõ ràng:
  - + Khuyến khích học sinh tự đặt mục tiêu cụ thể, phù hợp với năng lực và sở thích.
  - + Giúp học sinh hiểu rõ ý nghĩa và lợi ích lâu dài của việc học.
- Thay đổi phương pháp học tập:
  - + Khuyến khích học sinh học cách tự tìm hiểu và tư duy độc lập.
  - + Đa dạng hóa phương pháp học tập: thảo luận nhóm, nghiên cứu thực tế, học qua trò chơi, bài giảng video, ứng dụng học tập trực tuyến.
- Tạo ra môi trường học tập tích cực:
  - + Khuyến khích học sinh đặt câu hỏi, chia sẻ quan điểm, phát huy sự sáng tạo.

- + Xây dựng tập thể lớp đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau.
- Giảm áp lực học tập không cần thiết:
- + Thầy cô và gia đình cần hiểu tâm lý học sinh, không gây áp lực quá lớn về điểm số.
- + Đặt kỳ vọng phù hợp với năng lực, khuyến khích quá trình tiến bộ thay vì chỉ tập trung vào kết quả.
- Khuyến khích tham gia các hoạt động ngoại khóa:
- + Giúp học sinh khám phá sở thích và phát triển các kỹ năng mềm.
- + Tạo cơ hội cho học sinh thể hiện bản thân qua các hoạt động thể thao, nghệ thuật, tình nguyện...

d. Ý nghĩa của việc khơi dậy động lực và niềm đam mê học hỏi

- Giúp học sinh cảm thấy học tập là niềm vui và tự giác học hỏi.
- Tạo nền tảng vững chắc cho học sinh phát triển bản thân và chuẩn bị tốt hơn cho tương lai.

### 3. Kết bài

- Khẳng định lại tầm quan trọng của động lực học tập đối với học sinh.
- Liên hệ bản thân